

ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT



ĐỒ ÁN CUỐI KỲ

Môn: Gói phần mềm ứng dụng trong tài chính 1

PHÂN TÍCH TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ SỬ DỤNG GÓI PHẦN MỀM PYTHON

Giảng viên hướng dẫn	ThS. Ngô Phú Thanh
Sinh viên thực hiện	Võ Hưng Thạnh
MSSV	K214141338

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 01 năm 2024

I. Giới thiệu bộ dữ liệu	1
1. Nhập, mô tả và làm sạch dữ liệu	1
1.1. Bộ dữ liệu báo cáo tài chính từ năm 2018 - 2022	1
1.2. Bộ dữ liệu về giá và khối lượng	2
2. Giới thiệu các thư viện sử dụng	3
II. Phân tích Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí (DPM)	4
1. Tổng quan về doanh nghiệp	4
1.1. Lịch sử hình thành	4
1.2. Ngành nghề kinh doanh	4
1.3. Địa bàn kinh doanh chính	5
1.4. Thị phần của doanh nghiệp	5
1.5. Thành tích của doanh nghiệp trong thời gian qua	6
1.6. Mục tiêu của doanh nghiệp trong thời gian từ 2021-2030	6
1.6.1. Mục tiêu tổng quát	6
1.6.2. Mục tiêu cụ thể	7
1.6.2.1. Lĩnh vực sản xuất	7
1.6.2.2. Lĩnh vực kinh doanh	7
1.6.2.3. Lĩnh vực xây dựng	7
2. Phân tích về cơ cấu tài sản và nguồn vốn của DPM từ 2018-2022	8
2.1. Tài sản ngắn hạn	8
2.2. Tài sản dài hạn	10
2.3. Bảng cân đối kế toán	12
3. Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của DPM từ 2018-2022	15
3.1. Phân tích tình hình kinh doanh	15
3.2. Phân tích tình hình doanh thu, lợi nhuận khác	17

4. Phân tích về tình hình lưu chuyển tiền tệ của DPM từ 2018-2022	18
5. Phân tích về các chỉ số tài chính của DPM từ 2018-2022	19
5.1. Chỉ số ROA, ROE	19
5.2. Chỉ số P/E	20
6. So sánh tình hình kinh doanh, sức khỏe tài chính của DPM với ngành từ 2018-2022	24
6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24
6.2. Lợi nhuận sau thuế	25
6.3. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	27
II. Phân tích kỹ thuật	28
1. Chỉ báo Moving Average	28
2. Chỉ báo Bollinger Bands	29
3. Chỉ báo Moving Average Convergence Divergence (MACD)	29
4. Chỉ báo Relative Strength Index (RSI)	29
III. Luận điểm đầu tư	30

I. Giới thiệu bộ dữ liệu

1. Nhập, mô tả và làm sạch dữ liệu

1.1. Bộ dữ liệu báo cáo tài chính từ năm 2018 - 2022

Các bộ dữ liệu có tên “2018-Vietnam”, “2019-Vietnam”, “2020-Vietnam”, “2021-Vietnam”, “2022-Vietnam” được định dạng dưới dạng đuôi “.xlsx” thể hiện các giá trị trong bảng báo cáo tài chính của 1664 công ty.

Đầu tiên, tiến hành thực hiện nhập và lọc dữ liệu có liên quan đến chủ đề thực hiện - Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí và tất cả các công ty thuộc Ngành ICB - Cấp 4: Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác để đánh giá và so sánh DPM so với trung bình ngành.

Tiếp theo, lọc các giá trị bắt đầu từ “CĐKT”, “KQKD”, “LCTT”, “TM” có trong Báo cáo tài chính và xóa đi dòng chữ “CĐKT.”, “KQKD.”, “LCTT.”, “TM.” ở trong tên cột để thể hiện các giá trị của Bảng Cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Thuyết minh của DPM từ năm 2018 - 2022. Các bảng dưới đây thuộc về năm 2018, các năm từ 2019-2022 tương tự nhau:

TÀI SẢN NGẮN HẠN	Tiền và tương đương tiền	Đầu tư tài chính ngắn hạn	...	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	LNST chưa phân phối kỳ này	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	...	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN
13578923480222	2083841053069	68800000000000	...	962657286718	5438442642672	186415760581	...	17698795735776

Bảng 1. Bảng cân đối kế toán của DPM năm 2018

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Doanh thu thuần	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	...	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	...	Lợi nhuận KQHĐKD chính
18744713575383	18627179544265	7838219881452	...	6605581936010	1020690649767	5584891286243	...	339372205929821

Bảng 2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của DPM năm 2018

Lãi trước thuế	Khấu hao TSCĐ	Lãi/lỗ trước những thay đổi vốn lưu động	...	Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động tài chính	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	...	Đầu tư vào doanh nghiệp khác
6605581936010	514801559639	7188266373024	...	-2176604262058	-441894699570	2524115312966	...	0

Bảng 3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của DPM năm 2018

Tiền	Tiền mặt	Tiền mặt gửi Ngân hàng	...	Chi phí tài chính khác	Chi phí sản xuất theo yếu tố	Chi phí nguyên liệu, vật liệu	...	Chi phí khác bằng tiền
2083841053069	2515509016	305466403312	...	139186000	10768313572895	7309033678171	...	1317969852526

Bảng 4. Bảng thuyết minh của DPM năm 2018

1.2. Bộ dữ liệu về giá và khối lượng

Bộ dữ liệu về giá và khối lượng giao dịch là bộ dữ liệu chứa các thông tin của nhiều công ty trong các lĩnh vực khác nhau. Dữ liệu bao gồm thông tin cơ bản của công ty thể hiện trong bảng “Info”, giá đóng cửa và khối lượng giao dịch của các công ty đó theo ngày bắt đầu từ từ ngày 01/01/2015 - 06/11/2023. Hai giá trị này được thể hiện trong bảng “Price” và “Volume”. Trong bài phân tích này liên quan đến Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí nên tôi sẽ tiến hành lọc dữ liệu về công ty này, xóa những dữ liệu NaN, sau đó chuyển định dạng ngày tháng ban đầu của bộ dữ liệu là “%Y-%m-%d %H:%M:%S” thành “%d-%m-%Y” để người dùng dễ quan sát hơn, và dưới đây là kết quả:

Name	Code	Currency	01-01-2015	01-01-2015	...	24-10-2023	...	06-11-2023
PETROVIETNAM FCM	VT: DPM (P)	VD	30800	30800	...	34800	...	31800

Bảng 5. Bảng giá của DPM từ 01/01/2015 - 06/01/2023

Name	Code	Currency	05-01-2015	06-01-2015	...	24-10-2023	...	06-11-2023
PETROVIETNAM FCM. - TURNOVER BY VOLUME	VT: DPM (VO)	VD	859.9	2128.9	...	3267.7	...	1451.3

Bảng 6. Bảng khối lượng của DPM từ 05/01/2015 - 06/01/2023

2. Giới thiệu các thư viện sử dụng

Trong bài phân tích này, các thư viện được sử dụng cho việc phân tích là Pandas, Numpy, thực hiện vẽ biểu đồ bằng thư viện Plotly

```
import pandas as pd
import plotly.express as px
import plotly.graph_objects as go
from plotly.subplots import make_subplots
from datetime import datetime
import numpy as np
import plotly.io as pio
```

Bảng 7. Các thư viện được sử dụng trong bài phân tích

II. Phân tích Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí (DPM)

1. Tổng quan về doanh nghiệp

1.1. Lịch sử hình thành

- Công ty cổ phần Phân đạm và Hóa chất Dầu khí là doanh nghiệp thành viên của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam chính thức đi vào hoạt động từ ngày 19/01/2004, được giao nhiệm vụ quản lý, vận hành và kinh doanh các sản phẩm của Nhà máy Đạm Phú Mỹ.
- Ngày 21/09/2004: Tổ hợp nhà thầu Technip – Samsung bàn giao Nhà máy Đạm Phú Mỹ cho Công ty Phân đạm và Hóa chất Dầu khí
- Ngày 30/6/2007: Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty cổ phần Phân đạm và Hóa chất Dầu khí.
- Ngày 05/11/2007: Cổ phiếu của PVFCCo, mã chứng khoán DPM chính thức được niêm yết và giao dịch trên sàn chứng khoán TP. HCM
- Ngày 15/05/2008: Công ty Phân đạm và Hóa chất Dầu khí chính thức chuyển đổi thành Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – Công ty Cổ phần (Tên Tiếng Anh là PetroVietnam Fertilizer and Chemicals Corporation và tên viết tắt là PVFCCo)
- Ngày 14/09/2010: Khánh thành cụm thu hồi khí thải CO₂, nâng công suất Nhà máy đạm Phú Mỹ lên 800.000 tấn/năm.
- Ngày 16/07/2011: Khánh thành trụ sở PVFCCo Tower.
- Ngày 26/03/2013: PVFCCo và Nhà máy Đạm Phú Mỹ vinh dự đón nhận Huân chương Lao động Hạng Nhất.
- Ngày 20/12/2013: Nhà máy Đạm Phú Mỹ đạt sản lượng 7 triệu tấn
- Tháng 02/2015: Nhà máy Đạm Phú Mỹ đạt sản lượng 8 triệu tấn
- Sự kiện lớn trong năm 2015: Khánh thành xưởng UFC85: sự kiện xưởng UFC85 chính thức đi vào hoạt động thương mại đã nổi thêm bước tiến quan trọng của PVFCCo trong chiến lược phát triển mảng hóa chất. Khi đi vào vận hành đủ công suất, xưởng sẽ đem lại doanh thu khoảng 400-500 tỷ đồng /năm, góp phần giúp PVFCCo mở rộng quy mô sản xuất và gia tăng doanh thu, lợi nhuận trong những năm tới.

1.2. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất, kinh doanh phân bón, các sản phẩm hóa chất phục vụ ngành Dầu khí...

- Các dịch vụ kỹ thuật trong sản xuất, kinh doanh phân bón và các sản phẩm hóa chất khác có liên quan (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh);
- Sản xuất và kinh doanh điện;
- Kinh doanh các ngành nghề khác phù hợp với quy định của pháp luật.
- Ngoài ra, PVFCCo còn có hệ thống kho bãi trải dài từ Bắc đến Nam, đảm bảo đáp ứng nhu cầu về phân bón đúng thời điểm, vụ mùa:
- Sản phẩm chính: Hiện nay, sản phẩm chủ lực của tổng công ty là phân đạm (Urê) hạt trong, phân NPK, Kali, SA, DAP phục vụ cho nền nông nghiệp của đất nước, khí Amoniac lỏng, hóa chất UFC85/Formaldehyde

1.3. Địa bàn kinh doanh chính

- Hoạt động sản xuất chính của Tổng công ty tiến hành tại Nhà máy đạm Phú Mỹ, đơn vị trực thuộc Tổng công ty, đặt tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
- Hoạt động kinh doanh phân bón của Tổng công ty trải rộng khắp các vùng canh tác nông nghiệp và cây công nghiệp trên khắp lãnh thổ Việt Nam thông qua hệ thống tiêu thụ sản phẩm hình thành từ các công ty con đóng trụ sở chính tại các khu vực: miền Bắc, miền Trung & Tây Nguyên, miền Đông Nam Bộ và miền Tây Nam Bộ. Bên cạnh thị trường nội địa, Tổng công ty cũng xuất khẩu sản phẩm phân bón đi nhiều nước, tập trung tại Châu Á.
- Về hóa chất, khách hàng và thị trường chủ lực được tập trung tại khu vực phía Nam và trong ngành dầu khí, sản xuất công nghiệp.

1.4. Thị phần của doanh nghiệp

- Với chất lượng đạt tiêu chuẩn quốc tế, giá cả cạnh tranh và nguồn cung luôn đảm bảo ổn định, sản phẩm phân bón mang thương hiệu "Phú Mỹ" đáp ứng trên 1.000.000 tấn/năm, thị phần urea chiếm trên 40% cả nước. Thương hiệu "Đạm Phú Mỹ" đã khẳng định được vị thế dẫn đầu trong ngành phân bón Việt Nam, các thương hiệu khác như NPK Phú Mỹ, DAP Phú Mỹ, Kali Phú Mỹ ...cũng đang chiếm được sự tin yêu của bà con nông dân.
- Trong những năm gần đây, TCT tích cực xuất khẩu sang các nước trong khu vực như New Zealand, Jordan, Campuchia, Myanmar, Malaysia, Thái Lan, Philippines....
- Là đơn vị hàng đầu về phân bón tại Việt Nam

1.5. Thành tích của doanh nghiệp trong thời gian qua

- Huân chương lao động hạng Nhất cho PVFCCo và Nhà máy Đạm Phú Mỹ: năm 2013 Huân chương lao động hạng Nhì cho PVFCCo và Nhà máy Đạm Phú Mỹ: năm 2009;
- Huân chương lao động hạng Ba cho Nhà máy Đạm Phú Mỹ: năm 2008
- Top 20 đơn vị đạt Danh hiệu “100 Tổ chức Đáng tiêu biểu trong Doanh nghiệp”: năm 2011
- Giải thưởng Bông lúa vàng Việt nam: năm 2012
- Cúp vàng Chất lượng Xây dựng Việt nam cho công trình Nhà máy Đạm Phú Mỹ: năm 2010 Top 10 Thương hiệu Việt nam - Giải thưởng Sao Vàng Đất Việt: năm 2009, năm 2011, năm 2013.
- Top 10 Doanh nghiệp thực hiện tốt Trách nhiệm xã hội- Giải thưởng Sao Vàng Đất Việt: năm 2011, năm 2013
- Giải Nhất, Giải Vàng Báo cáo Thường niên liên tục các năm
- Danh hiệu Hàng Việt Nam Chất Lượng Cao do người tiêu dùng bình chọn liên tục từ 2004-2016
- Danh hiệu "Sản phẩm nông nghiệp tiêu biểu" năm 2013- 2014
- Top 3 trong 50 công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam do Forbes bình chọn, liên tiếp 04 năm 2013-2014-2015-2016 và là doanh nghiệp phân bón duy nhất đạt được thành tựu này trong 4 năm liên
- Được công nhận là "Thương hiệu Quốc gia" năm 2014
- Top 5 doanh nghiệp có hoạt động IR tốt nhất do nhà đầu tư bình chọn
- Top 3 "Quản trị công ty khu vực ASEAN" – 2015
- Top 10 doanh nghiệp có uy tín nhất trên truyền thông – 2015

1.6. Mục tiêu của doanh nghiệp trong thời gian từ 2021-2030

1.6.1. Mục tiêu tổng quát

- Đến năm 2025: Tiếp tục đầu tư xây dựng các nhà máy sản xuất phân bón, hóa chất có công nghệ hiện đại và trình độ quản lý tiên tiến để đa dạng hóa sản phẩm, mở rộng thị trường phân phối phân bón, hóa chất ra các nước trong khu vực cũng như trên thế giới nhằm phát triển đưa PVFCCo trở thành một trong những doanh nghiệp sản xuất kinh doanh phân bón, hóa chất với công nghệ cao trong khu vực Đông Nam Á, đứng Top 10 trong khu vực về sản lượng sản xuất.

- Đến năm 2035: Phần đầu trở thành doanh nghiệp có quy mô nằm trong Top 10 ở khu vực Châu Á trong ngành phân bón, hóa chất.

1.6.2. Mục tiêu cụ thể

1.6.2.1. Lĩnh vực sản xuất

- Duy trì và phát triển các cơ sở vật chất, kỹ thuật, nhà máy bao gồm: NM Đạm Phú Mỹ, NPK và các NM hóa chất. Có ít nhất 02 sản phẩm phân bón chủ lực và 03 sản phẩm hóa chất chủ lực.
- Nâng sản lượng SX NPK Phú Mỹ lên 500.000 tấn/năm.
- Tiếp tục phát triển sản xuất các loại sản phẩm hóa chất, hóa dầu có quy mô lớn, công nghệ hiện đại, tiến tới ngang bằng với lĩnh vực phân bón.
- Duy trì và phát triển các dự án cải tiến sản phẩm, sản xuất phân bón/hóa chất chuyên dụng trên nền sản phẩm chủ lực (Urê, NPK).
- Lĩnh vực sản xuất hóa chất chiếm vai trò chủ đạo, vượt trên lĩnh vực sản xuất phân bón.
- Nâng sản lượng sản xuất NPK Phú Mỹ lên 750 nghìn tấn/năm vào năm 2030 (chỉ thực hiện khi cân đối được nguồn nguyên liệu NH₃).

1.6.2.2. Lĩnh vực kinh doanh

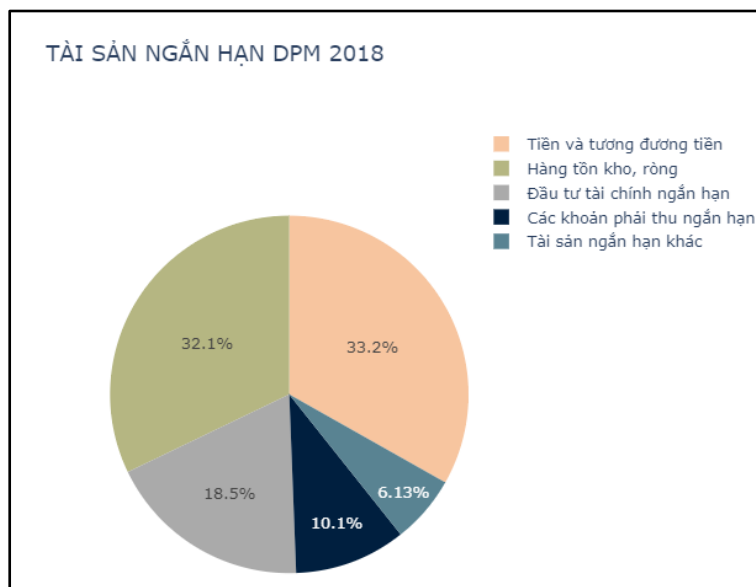
- Giữ vững thị phần các sản phẩm đã đạt được.
- Tiêu thụ hết các sản phẩm sản xuất.
- Doanh thu lĩnh vực hóa chất chiếm 70% tổng doanh thu.
- Mở rộng thị trường phân bón ra Đông Bắc Á và Nam Á.
- Tăng sản lượng tiêu thụ các sản phẩm phân bón/hóa chất chuyên dụng so với giai đoạn 2016-2020.
- Lợi nhuận mảng hóa chất chiếm hơn 70% tổng lợi nhuận.
- NPK Phú Mỹ chiếm 20% thị phần trong nước.

1.6.2.3. Lĩnh vực xây dựng

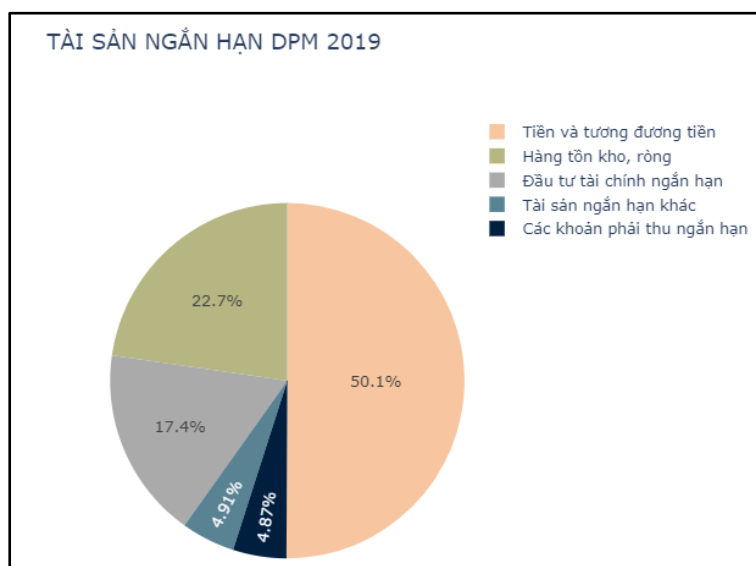
- Hoàn thành đúng tiến độ đầu tư dự án: NPK Phú Mỹ mở rộng (lên 500.000 tấn/năm).
- Triển khai các bước chuẩn bị đầu tư các dự án phân bón (trên nền urê và NPK) và hóa chất mới.
- Hoàn thành đúng tiến độ các dự án sản xuất mới.

2. Phân tích về cơ cấu tài sản và nguồn vốn của DPM từ 2018-2022

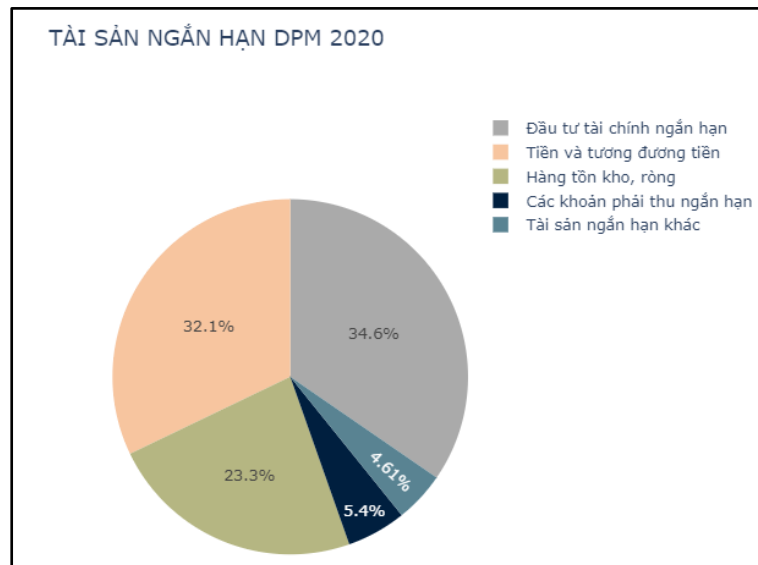
2.1. Tài sản ngắn hạn



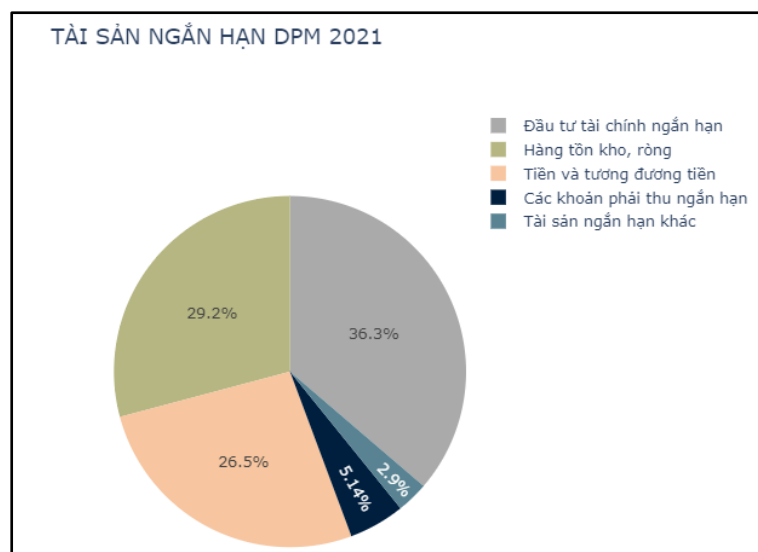
Hình 1. Cơ cấu Tài sản ngắn hạn của DPM trong năm 2018



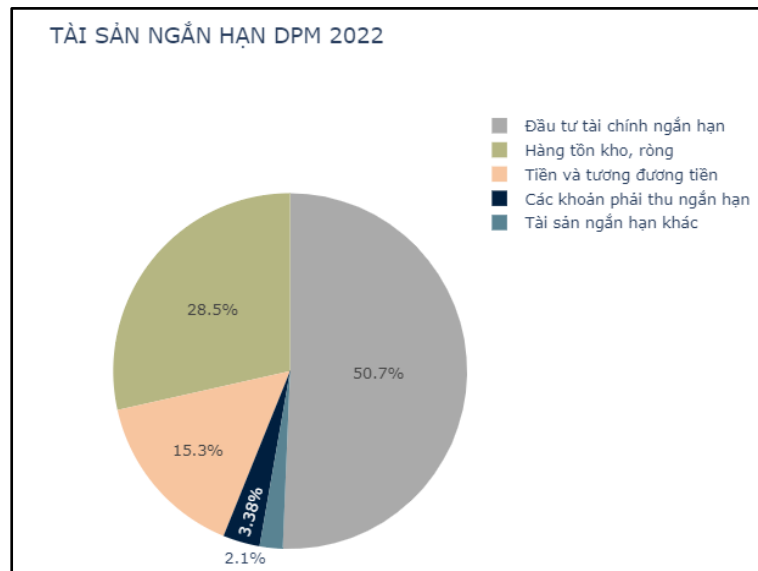
Hình 2. Cơ cấu Tài sản ngắn hạn của DPM trong năm 2019



Hình 3. Cơ cấu Tài sản ngắn hạn của DPM trong năm 2020



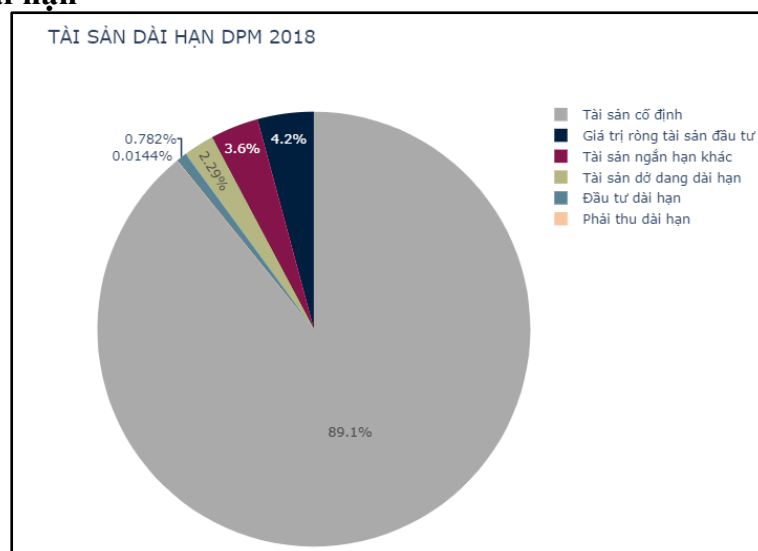
Hình 4. Cơ cấu Tài sản ngắn hạn của DPM trong năm 2021



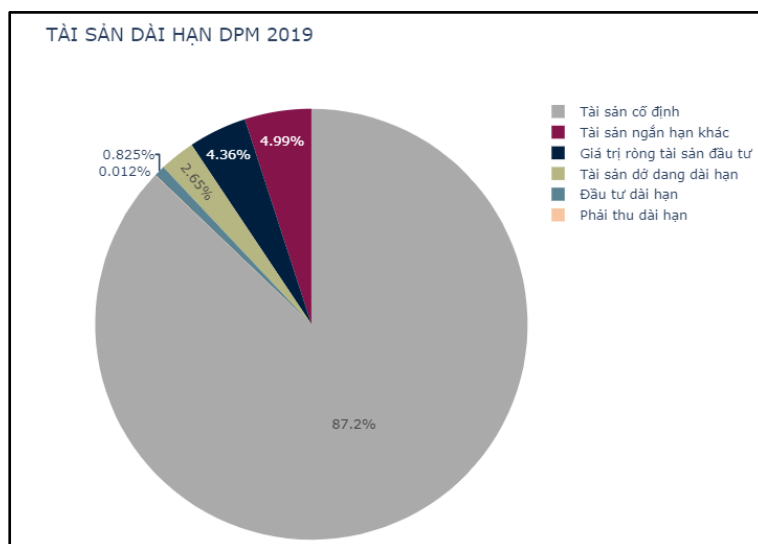
Hình 5. Cơ cấu Tài sản ngắn hạn của DPM trong năm 2022

Nhìn qua biểu đồ cơ cấu Tài sản ngắn hạn của DPM từ 2018-2022, có thể nhận thấy sự thay đổi rõ ràng nhất qua các năm, đó là các khoản Tiền và tương đương tiền có phần giảm tỷ trọng trong cơ cấu Tài sản ngắn hạn, thay vào đó các khoản Đầu tư tài chính ngắn hạn bắt đầu chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu Tài sản ngắn hạn. Đến năm 2022, Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn đã chiếm hơn một nửa tỷ trọng trong mục Tài sản ngắn hạn của doanh nghiệp (50.7%), điều này do doanh nghiệp bắt đầu tăng mạnh khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng từ năm 2020.

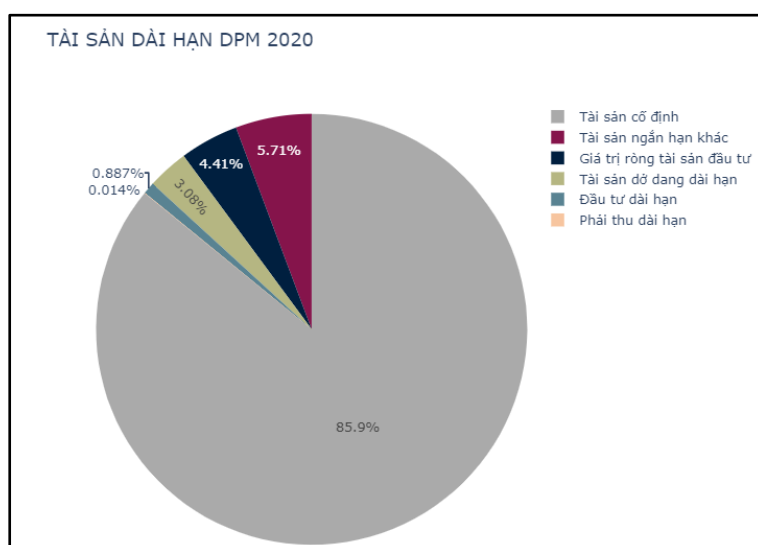
2.2. Tài sản dài hạn



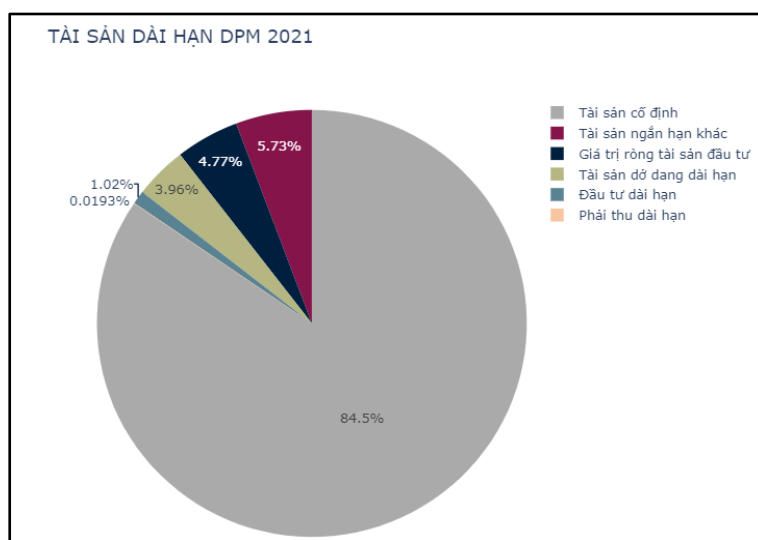
Hình 6. Cơ cấu Tài sản dài hạn của DPM trong năm 2018



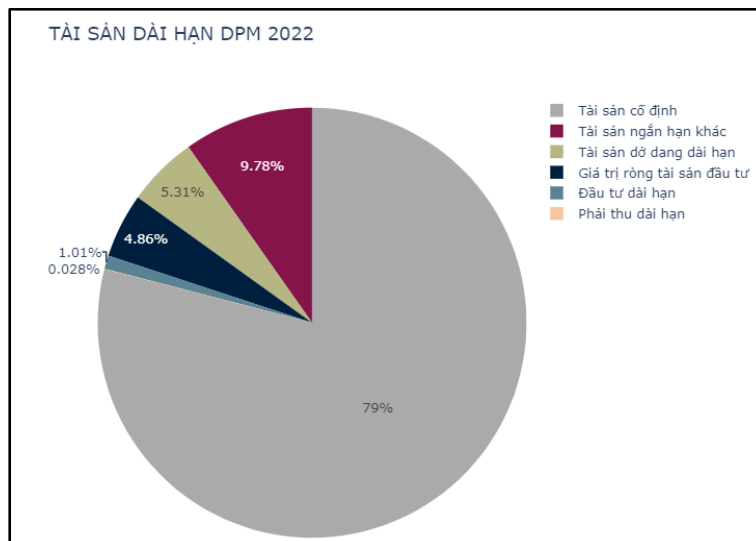
Hình 7. Cơ cấu Tài sản dài hạn của DPM trong năm 2019



Hình 8. Cơ cấu Tài sản dài hạn của DPM trong năm 2020



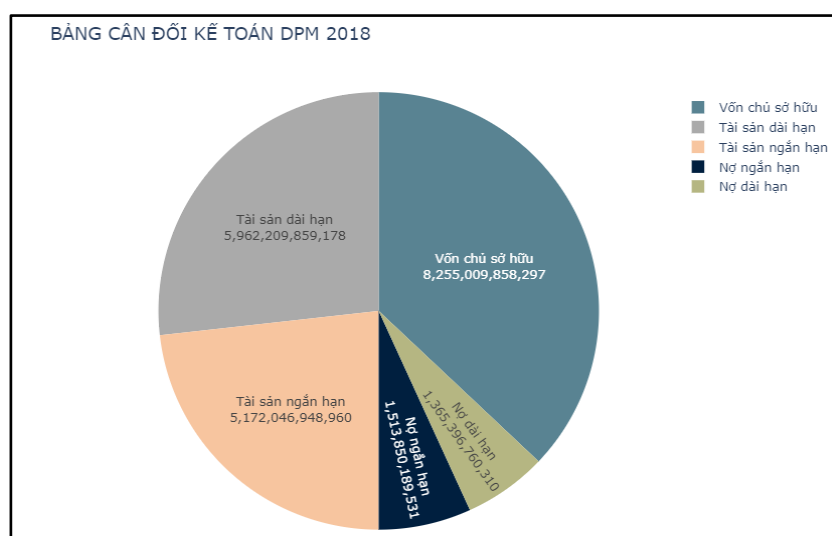
Hình 9. Cơ cấu Tài sản dài hạn của DPM trong năm 2021



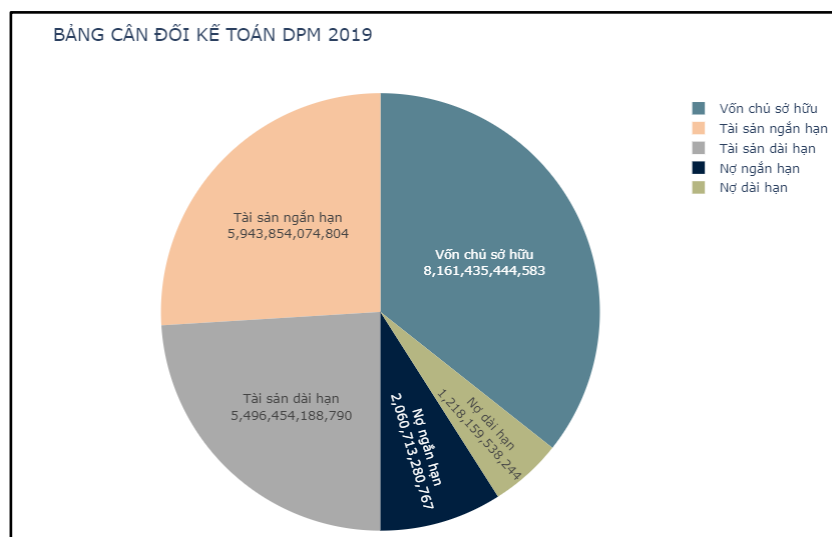
Hình 10. Cơ cấu Tài sản dài hạn của DPM trong năm 2022

Ở phần cơ cấu Tài sản dài hạn của DPM từ năm 2018-2022 không có sự thay đổi đáng kể, cơ bản tỷ trọng của các khoản chi giao động nhẹ, chiếm tỷ trọng cao nhất là Tài sản cố định, điều này là do DPM là doanh nghiệp chuyên về sản xuất, nên yếu tố quan trọng nhất vẫn là Tài sản cố định. Đến năm 2022, Tài sản cố định chiếm 79% trong cơ cấu Tài sản dài hạn của doanh nghiệp.

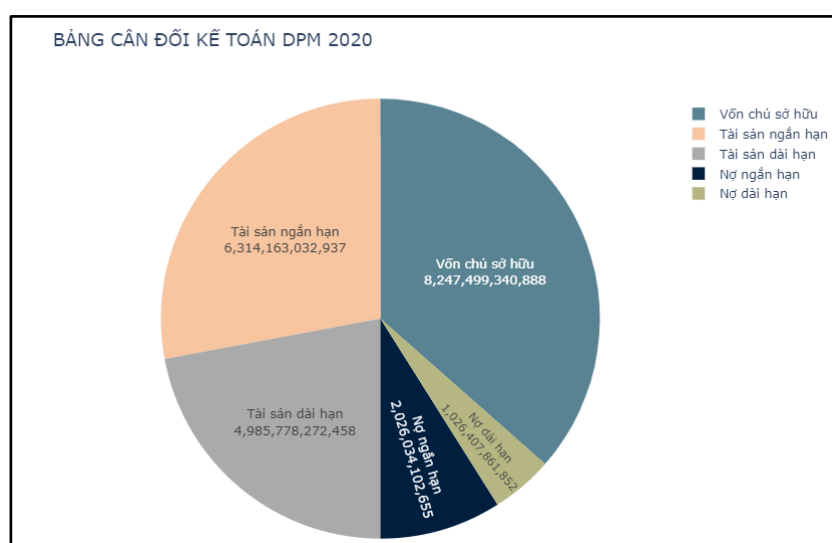
2.3. Bảng cân đối kế toán



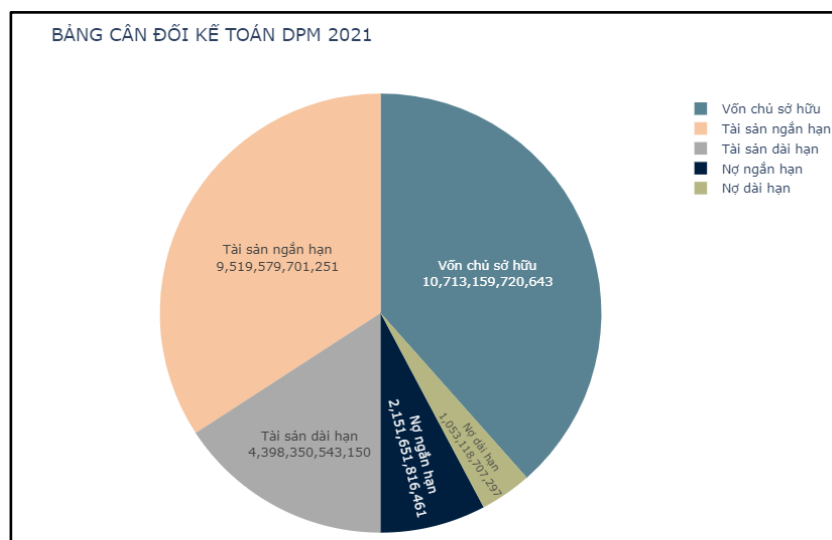
Hình 11. Bảng cân đối kế toán của DPM trong năm 2018



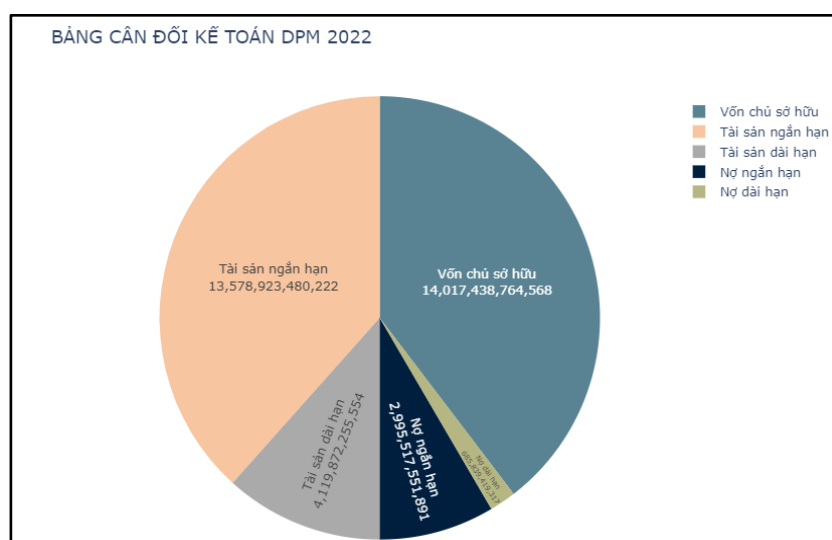
Hình 12. Bảng cân đối kế toán của DPM trong năm 2019



Hình 13. Bảng cân đối kế toán của DPM trong năm 2020



Hình 14. Bảng cân đối kế toán của DPM trong năm 2021

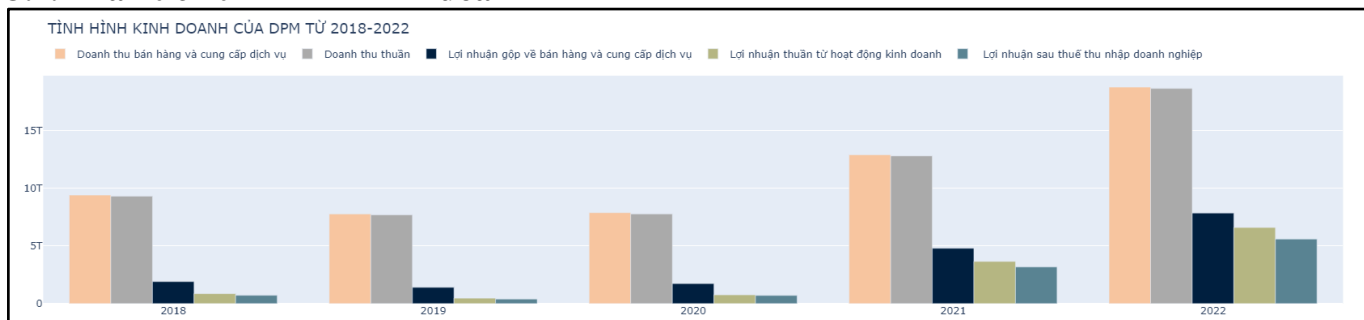


Hình 15. Bảng cân đối kế toán của DPM trong năm 2022

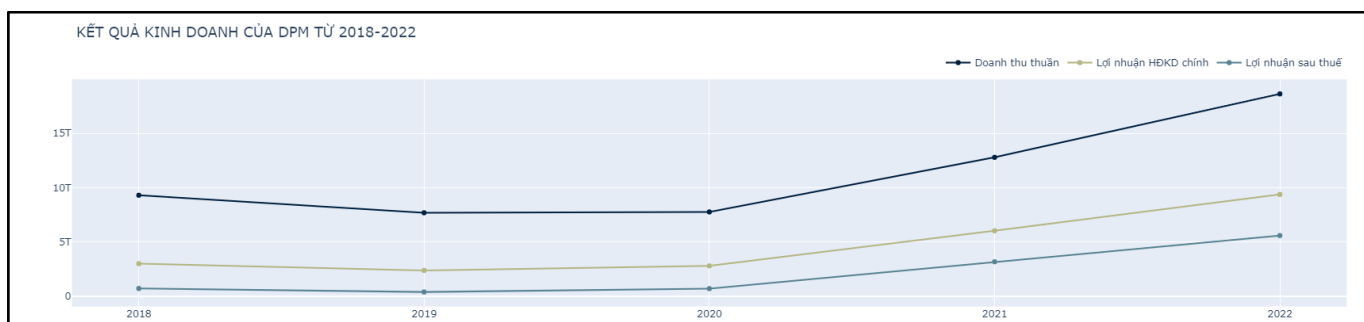
Cơ cấu tỷ trọng các khoản mục trong Bảng cân đối kế toán từ 2018-2022, Vốn chủ sở hữu luôn chiếm tỷ trọng cao nhất trong phần Tài sản, các khoản Nợ ngắn hạn, Nợ dài hạn chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ. Phần Vốn chủ sở hữu ở năm 2022 tăng gần 4000 tỷ so với năm 2021 do từ việc tăng Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Về cơ bản, cơ cấu Tài sản và Nguồn vốn của DPM lành mạnh, nguồn lực tài chính dồi dào.

3. Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của DPM từ 2018-2022

3.1. Phân tích tình hình kinh doanh



Hình 16. Tình hình kinh doanh của DPM từ 2018-2022



Hình 17. Kết quả kinh doanh của DPM từ 2018-2022

Năm 2022, doanh thu thuần 19.400 tỷ đồng (+51,7% yoy), lợi nhuận sau thuế gần 6000 tỷ đồng, gần gấp đôi so với năm 2021.

2 động lực giúp DPM tăng trưởng mạnh về KQKD trong năm 2022 bao gồm:

- Thứ nhất là sản lượng sản xuất và tiêu thụ tăng mạnh với sản lượng sản xuất: 914 nghìn tấn Urê (+15% yoy), 70 nghìn tấn NH₃ (+3% yoy), 14 nghìn tấn UFC (+17% yoy).
- Thứ 2 là giá bán bình quân tăng, từ đó giúp tăng trưởng doanh thu cao hơn nhiều so với tăng trưởng về sản lượng

Trong năm 2022, mặc dù giá khí đốt tự nhiên - nguyên liệu để sản xuất amoniac một nguyên liệu chính để sản xuất ra loại phân bón chứa nitơ như urê, DAP, NPK cũng tăng vọt do ảnh hưởng bởi xung đột quân sự nhưng giá bán đầu ra tăng nhanh hơn và việc các doanh nghiệp có tồn kho giá thấp từ giai đoạn trước đã giúp các doanh nghiệp hưởng lợi.

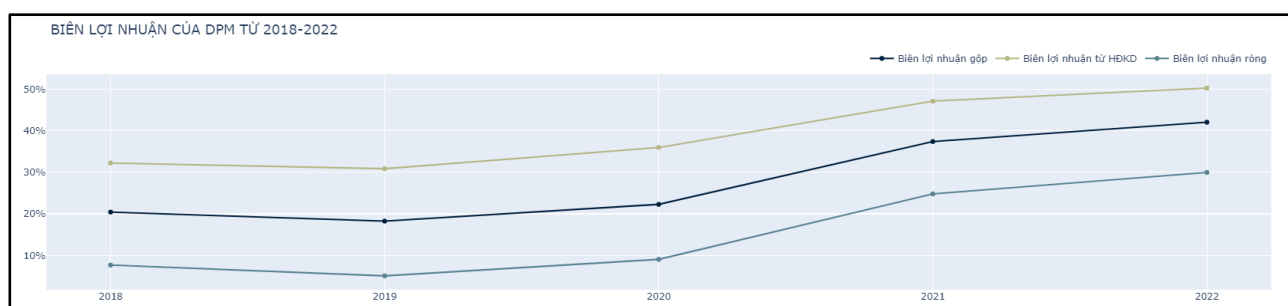
Giá khí tăng cao và thiếu hụt nguồn cung cũng khiến việc hoạt động sản sản xuất amoniac bị cắt giảm trên diện rộng càng làm gia tăng mối e ngại về sự gián đoạn nguồn cung phân bón. Trung Quốc gia hạn các hạn chế xuất khẩu đối với phân bón cho đến

cuối năm 2022 để duy trì nguồn cung trong nước trong khi nhiều quốc gia khác như Ấn Độ tăng cường nhập khẩu phân bón ngay sau khi xung đột nổ ra đã khiến nhu cầu tăng mạnh.

Trước biến động của thị trường phân bón toàn cầu, Đạm Phú Mỹ đã tận dụng thời cơ đẩy mạnh xuất khẩu góp phần cải thiện kết quả kinh doanh, sản lượng ure xuất khẩu năm 2022 đạt khoảng 190.000 tấn, tăng 280% so với kế hoạch năm và chiếm 23% tổng sản lượng ure kinh doanh trong năm 2022 của Tổng Công ty. Kết quả này chủ yếu đến từ nửa đầu năm, khi e ngại về sự gián đoạn nguồn cung tăng cao.

Với kết quả này, DPM cũng thông qua phương án tăng mạnh con số cổ tức tiền mặt dự kiến trả cho lợi nhuận năm 2022 tăng lên 7.000 đồng/cp, tương ứng mức tỷ suất khá cao so với vùng giá chỉ hơn 40.000 đồng/cp hiện nay.

Nhìn chung từ 2018-2022, tình hình doanh thu, lợi nhuận của DPM tăng trưởng khá mạnh, một phần do mặt bằng giá phân bón ngày càng tăng cao, ngoài ra Việt Nam là nước nông nghiệp, nên nhu cầu sử dụng phân bón tương đối cao

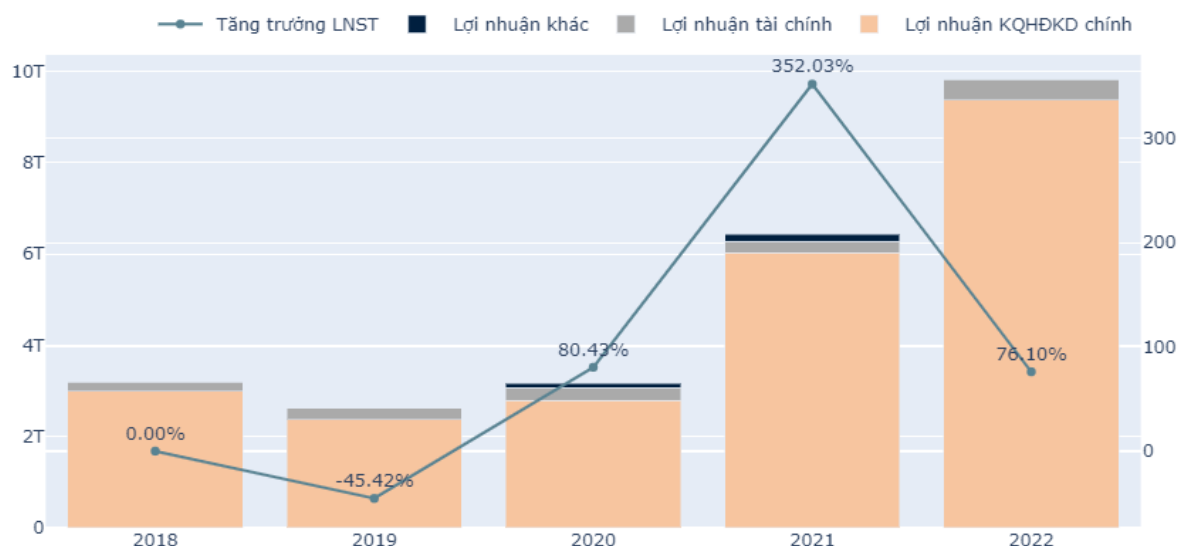


Hình 18. Biên lợi nhuận của DPM từ 2018-2022

Biên lợi nhuận của DPM cũng tăng rất mạnh từ 2018-2022, Biên lợi nhuận năm 2022 đã tăng lên tới 50% Theo đó, từ đầu năm 2021, giá phân bón tăng cao theo đà tăng của nguyên liệu cơ bản (như than đá, khí đốt, hóa chất), giúp các doanh nghiệp phân bón ghi nhận lợi nhuận tích cực. Đặc biệt, quý 4 năm ngoái và hai quý đầu năm nay, giá phân bón tăng vọt, ảnh hưởng từ cuộc chiến tranh Nga - Ukraine, các doanh nghiệp phân bón trong nước ghi nhận kết quả kinh doanh đột biến.

3.2. Phân tích tình hình doanh thu, lợi nhuận khác

CƠ CẤU LỢI NHUẬN VÀ TĂNG TRƯỞNG LNST CỦA DPM TỪ 2018-2022

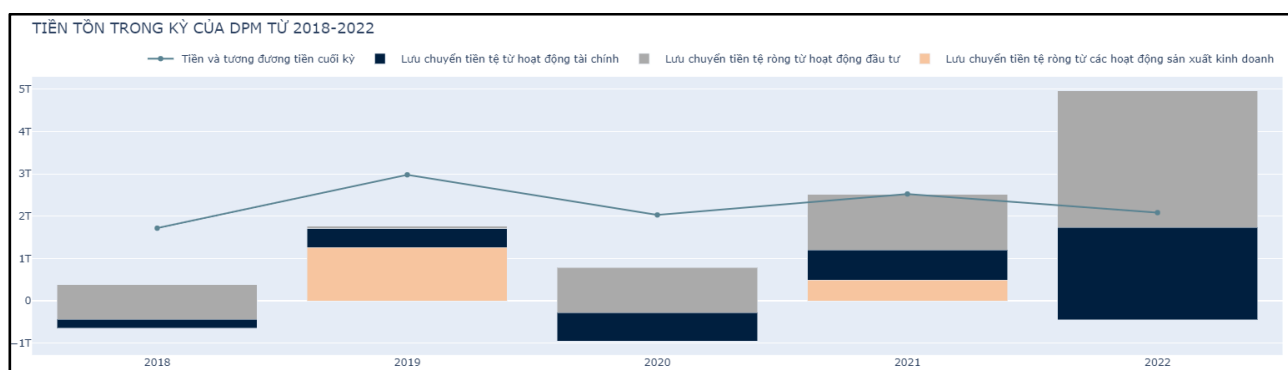


Hình 19. Cơ cấu lợi nhuận và tăng trưởng LNST của DPM từ 2018-2022

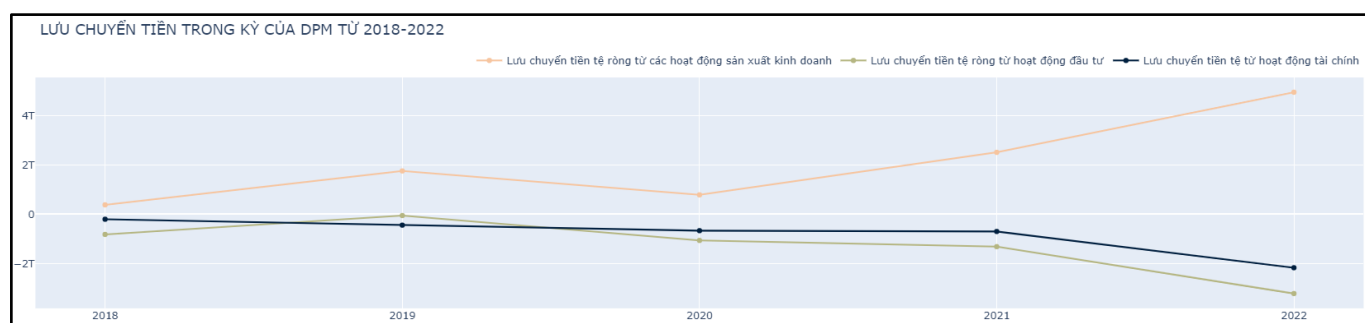
Bắt đầu từ năm 2020 Lợi nhuận sau thuế của DPM tăng trưởng vượt bậc, đỉnh điểm là năm 2021 tăng trưởng 352.03%, điều này được giải thích do giá phân bón tăng cao, cộng thêm ước sản lượng sản xuất cả năm 2021 đạt khoảng 1.035.000 tấn phân bón và hóa chất các loại. Trong đó, 2 sản phẩm chính là sản xuất Đạm Phú Mỹ ước đạt trên 792 nghìn tấn, tương ứng 103% kế hoạch năm và sản xuất NPK Phú Mỹ ước đạt trên 162 nghìn tấn, tương ứng 108% kế hoạch năm và tăng trưởng 41% so với năm 2020. Sản lượng kinh doanh trong năm 2021 ước đạt trên 1.263.000 tấn phân bón, hóa chất các loại, nổi bật là kinh doanh NPK Phú Mỹ ước đạt gần 151.500 tấn, tăng 60% so với cùng kỳ năm 2020; còn Đạm Phú Mỹ ước đạt 740.700 tấn.

Tuy nhiên, ta có thể thấy trong cơ cấu lợi nhuận của DPM, nguồn lợi nhuận chính đến từ Lợi nhuận KQHĐKD chính, điều này cho thấy chiến lược phát triển doanh nghiệp là tập trung chính vào sản xuất, kinh doanh. Đây là cũng là “con dao hai lưỡi”, mặt tốt là doanh nghiệp có thể tập trung tốt nhất vào mảng thế mạnh của mình, bên cạnh đó thì giả dụ bối cảnh tình hình vĩ mô không ủng hộ, doanh nghiệp có thể gặp những khó khăn nhất định vì lĩnh vực kinh doanh của doanh nghiệp bị tác động bởi những yếu tố chính trị tương đối nhiều.

4. Phân tích về tình hình lưu chuyển tiền tệ của DPM từ 2018-2022



Hình 20. Tiền tồn trong kỳ của DPM từ 2018-2022

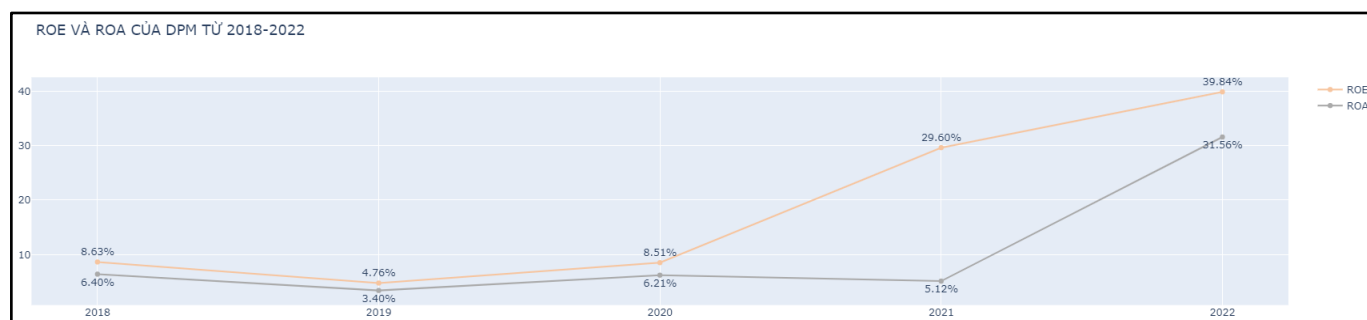


Hình 21. Lưu chuyển tiền trong kỳ của DPM từ 2018-2022

Như đã nói ở trên, vì doanh nghiệp chỉ tập trung chính vào hoạt động sản xuất, kinh doanh nên như trên hình 21, chỉ có mỗi dòng tiền dành cho hoạt động sản xuất kinh doanh là dòng tiền dương (tăng tương đối mạnh), còn dòng tiền dành cho hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính là dòng tiền âm (giảm cũng tương đối mạnh) và chưa thấy có dấu hiệu khả quan ở 2 hoạt động này. Còn về lượng tiền tồn cuối kỳ có xu hướng giảm, điều này do doanh nghiệp đang cấp tốc đẩy mạnh dòng tiền dành cho hoạt động sản xuất, kinh doanh như xây dựng thêm nhà máy, nâng cao về hệ thống công nghệ, chất lượng sản phẩm để duy trì vị thế của mình trong ngành phân bón.

5. Phân tích về các chỉ số tài chính của DPM từ 2018-2022

5.1. Chỉ số ROA, ROE



Hình 22. Chỉ số ROA, ROE của DPM từ 2018-2022

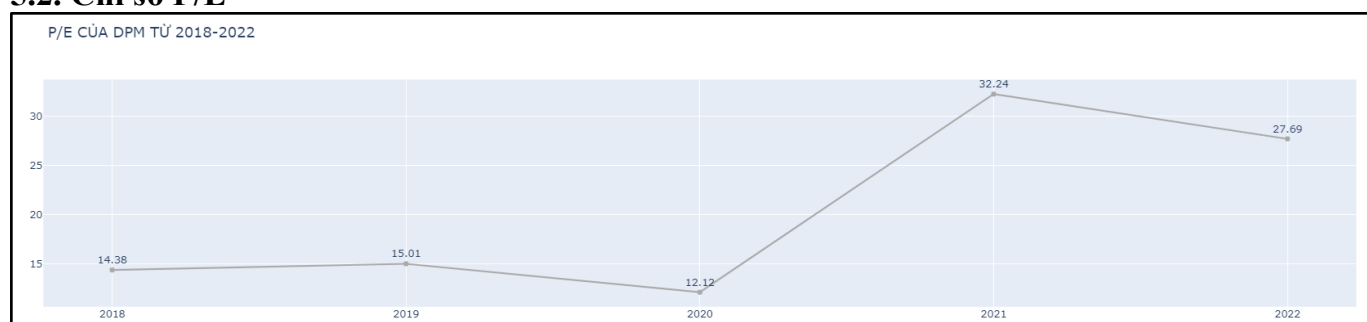
Năm 2018, chỉ số ROA của DPM vào năm 2018 là 6.4%. Điều này cho thấy DPM đã đạt được lợi nhuận đáng kể so với tài sản sử dụng trong năm. Năm 2019, chỉ số ROA của DPM giảm xuống 3.40%, hiệu suất lợi nhuận của công ty từ tài sản đã giảm so với năm trước, nhiều nguyên nhân dẫn đến sự giảm này, như tăng chi phí và doanh thu bị giảm. Nhưng đến năm 2020 đã tăng lên 6.21%, điều này cho thấy công ty đã cải thiện hiệu suất lợi nhuận từ tài sản so với năm trước, do có các biện pháp cải tiến trong quản lý tài sản và doanh thu đã bắt đầu tăng. Năm 2021, chỉ số ROA của DPM giảm xuống 5.12%, mặc dù vẫn duy trì một mức ROA khá cao, nhưng thấp hơn so với cả năm 2020, điều này chỉ ra một sự giảm sút trong hiệu suất lợi nhuận của công ty từ tài sản. Chỉ số ROA của DPM tăng mạnh lên 31.56% vào năm 2022, đây là một tăng trưởng đáng kể và cho thấy công ty đã đạt được hiệu suất lợi nhuận rất cao từ tài sản trong năm.

Từ năm 2018 đến năm 2020, DPM đã ghi nhận một sự tăng trưởng tích cực trong chỉ số ROA. Tỷ lệ ROA tăng từ 6.4% năm 2018 lên 6.21% năm 2020, cho thấy công ty đã cải thiện hiệu suất lợi nhuận từ tài sản trong khoảng thời gian này. Từ năm 2020 đến năm 2021, DPM đã ghi nhận một sự giảm tỷ lệ ROA từ 6.21% xuống còn 5.12%. Điều này cho thấy có một sự giảm sút trong hiệu suất lợi nhuận từ tài sản trong năm 2021. Đáng chú ý, trong năm 2022, DPM đã ghi nhận một tăng trưởng rất đáng kể trong chỉ số ROA lên 31.56%. Đây là một tăng trưởng đột phá và cho thấy một hiệu suất lợi nhuận rất cao từ tài sản trong năm.

Chỉ số ROE của DPM vào năm 2018 là 8.63%. Điều này cho thấy công ty đã tạo ra lợi nhuận đáng kể so với vốn chủ sở hữu được đầu tư trong năm đó. Đến năm 2019,

chỉ số ROE của DPM giảm xuống 4.67%, Điều này cho thấy hiệu suất lợi nhuận của công ty so với vốn chủ sở hữu đã giảm trong năm đó. có nhiều nguyên nhân dẫn đến sự giảm này, chẳng hạn như lợi nhuận giảm và tăng vốn chủ sở hữu. Năm 2020, chỉ số ROE của DPM tăng lên 8.51%, điều này cho thấy công ty đã cải thiện hiệu suất lợi nhuận so với vốn chủ sở hữu so với năm trước, do có các biện pháp cải tiến trong việc sử dụng vốn chủ sở hữu và lợi nhuận tăng. Năm 2021, chỉ số ROE của DPM tăng mạnh lên 29.6% vào. Đây là một tăng trưởng đáng kể và cho thấy công ty đã tạo ra một lợi nhuận rất cao so với vốn chủ sở hữu trong năm đó. Chỉ số ROE của DPM tiếp tục tăng lên 39.84% vào năm 2022. Đây là một tăng trưởng ấn tượng và cho thấy công ty tiếp tục tăng cường hiệu suất lợi nhuận so với vốn chủ sở hữu.

5.2. Chỉ số P/E



Hình 23. Chỉ số P/E của DPM từ 2018-2022

Từ năm 2018 đến năm 2019, P/E của DPM tăng từ 14.38 lên 15.01. Điều này cho thấy có một sự tăng nhẹ trong định giá của công ty so với lợi nhuận. Tuy nhiên, sự biến động này không lớn và có thể được coi là ổn định.

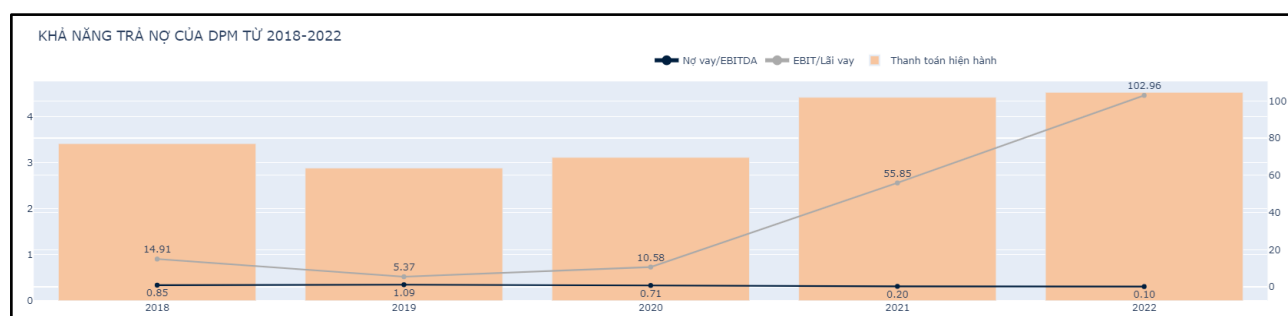
Từ năm 2019 đến năm 2020, P/E của DPM giảm xuống 12.12. Điều này cho thấy giá cổ phiếu của công ty đã giảm so với lợi nhuận, có thể đánh giá là một đánh giá hợp lý hơn. Mức P/E thấp hơn có thể cho thấy thị trường đánh giá công ty với mức định giá thấp hơn so với lợi nhuận hiện tại.

Từ năm 2020 đến năm 2021, P/E của DPM tăng mạnh lên 32.24. Đây là một tăng trưởng đáng kể và cho thấy giá cổ phiếu của công ty đã tăng nhanh hơn so với lợi nhuận. Mức P/E cao hơn có thể cho thấy thị trường đang định giá công ty với mức định giá cao hơn so với lợi nhuận hiện tại.

Từ năm 2021 đến năm 2022, P/E của DPM giảm xuống 27.69. Mặc dù vẫn cao hơn so với mức P/E của năm 2020, nhưng giảm so với năm trước đó. Điều này cho thấy

giá cổ phiếu của công ty đã giảm so với lợi nhuận, mặc dù vẫn ở mức đánh giá cao hơn so với lợi nhuận hiện tại.

5.3. Khả năng trả nợ



Hình 24. Khả năng trả nợ của DPM từ 2018-2022

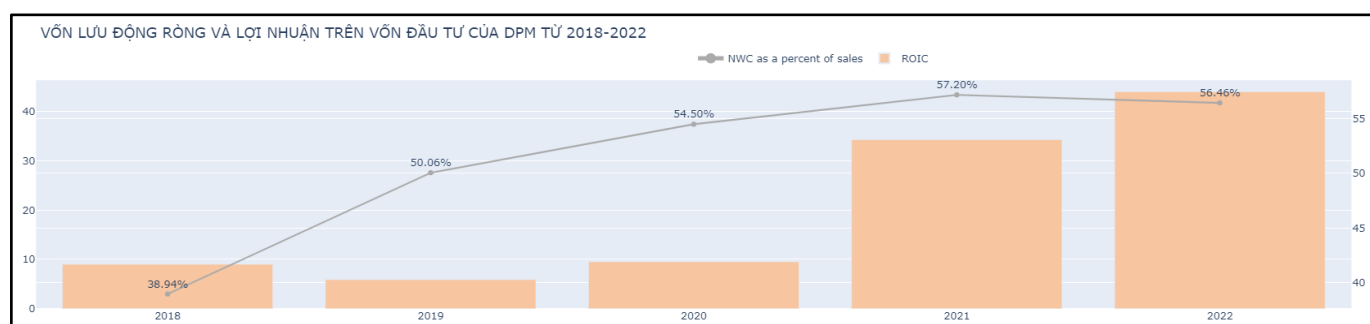
Chỉ số Nợ vay/EBITDA của DPM đã giảm từ 0.85 năm 2018 xuống 0.1 năm 2022. Đây là một sự cải thiện đáng kể trong việc giảm mức độ nợ vay so với khả năng sinh lời của công ty. Sự giảm đáng kể này cho thấy DPM đã giảm sự phụ thuộc vào nguồn vốn nợ và có khả năng quản lý tài chính hiệu quả hơn. Đây là một dấu hiệu tích cực về tình hình tài chính.

Chỉ số EBIT/Lãi vay của DPM đã tăng đáng kể từ 14.91 năm 2018 lên 102.96 năm 2022. Đây là một sự tăng trưởng ấn tượng trong khả năng tạo ra lợi nhuận so với chi phí lãi vay. Mức tăng này cho thấy công ty đã cải thiện hiệu suất hoạt động và khả năng sinh lời, đồng thời giảm sự phụ thuộc vào khoản vay. Đây là một tín hiệu tích cực về tăng trưởng và khả năng cải thiện tài chính.

Chỉ số Thanh toán hiện hành của DPM cũng đã tăng từ 3.42 năm 2018 lên 4.53 năm 2022. Điều này cho thấy công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ hiện tại một cách tốt hơn. Mức tăng này cũng tạo ra sự đảm bảo về khả năng quản lý tài chính và tài trợ cho hoạt động kinh doanh hiện tại và tương lai.

Tổng quan, tình hình tài chính của DPM đã có sự cải thiện đáng kể từ năm 2018 đến năm 2022. Công ty đã giảm mức độ nợ vay, tăng khả năng tạo ra lợi nhuận và cải thiện khả năng thanh toán nợ. Những chỉ số này cho thấy tình hình tài chính của DPM đã tăng trưởng và tích cực hơn trong giai đoạn này.

5.3. Vốn lưu động ròng theo phần trăm doanh thu và lợi nhuận trên vốn đầu tư (ROIC)



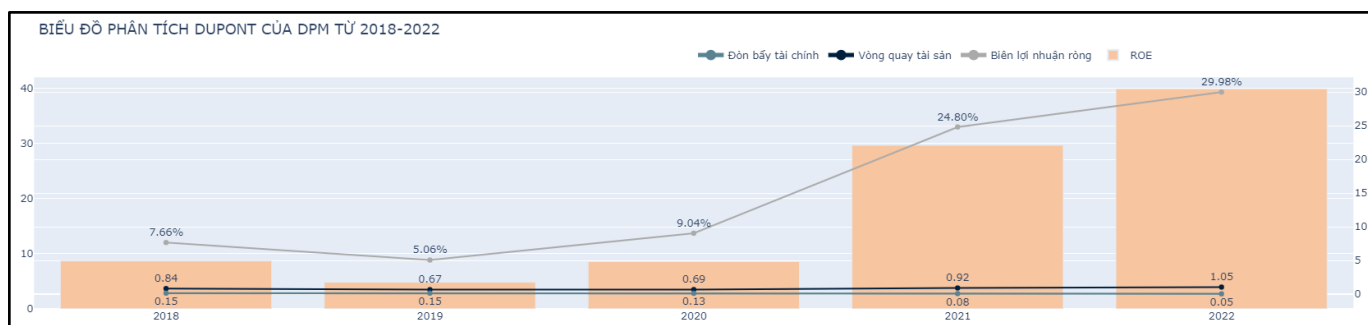
Hình 25. Vốn lưu động ròng theo phần trăm doanh thu và lợi nhuận trên vốn đầu tư (ROIC) của DPM từ 2018-2022

Chỉ số vốn lưu động ròng theo phần trăm doanh thu của DPM đã tăng từ 38.94% năm 2018 lên 56.46% năm 2022. Đây là một sự cải thiện đáng kể trong việc sử dụng vốn lưu động để tạo ra doanh thu. Mức tăng này cho thấy công ty đã tăng tính hiệu quả trong việc quản lý vốn lưu động và tăng khả năng sinh lời từ các hoạt động kinh doanh. Đây là một tín hiệu tích cực về tăng trưởng và khả năng tăng cường sức khỏe tài chính.

Chỉ số ROIC của DPM cũng đã tăng mạnh từ 9% năm 2018 lên 44.02% năm 2022. Đây là một sự tăng trưởng đáng kể trong khả năng sinh lợi từ vốn đầu tư. Mức tăng này cho thấy công ty đã cải thiện hiệu suất đầu tư và khả năng tạo ra giá trị cho cổ đông. Sự tăng trưởng ấn tượng này cho thấy DPM đã thực hiện các dự án đầu tư có hiệu quả và có khả năng tăng cường lợi nhuận tương lai.

Tổng quan, tình hình tài chính của DPM đã có sự cải thiện đáng kể từ năm 2018 đến năm 2022, dựa trên các chỉ số vốn lưu động ròng theo phần trăm doanh thu và ROIC. Công ty đã tăng tính hiệu quả trong việc sử dụng vốn lưu động và tăng khả năng sinh lời từ các hoạt động kinh doanh. Đồng thời, DPM đã cải thiện hiệu suất đầu tư và tạo ra giá trị cho cổ đông. Những chỉ số này cho thấy tình hình tài chính của DPM đã tăng trưởng và tích cực hơn trong giai đoạn này, và công ty có tiềm năng tăng cường sức khỏe tài chính trong tương lai.

5.4. Phân tích Dupont



Hình 26. Biểu đồ phân tích Dupont của DPM từ 2018-2022

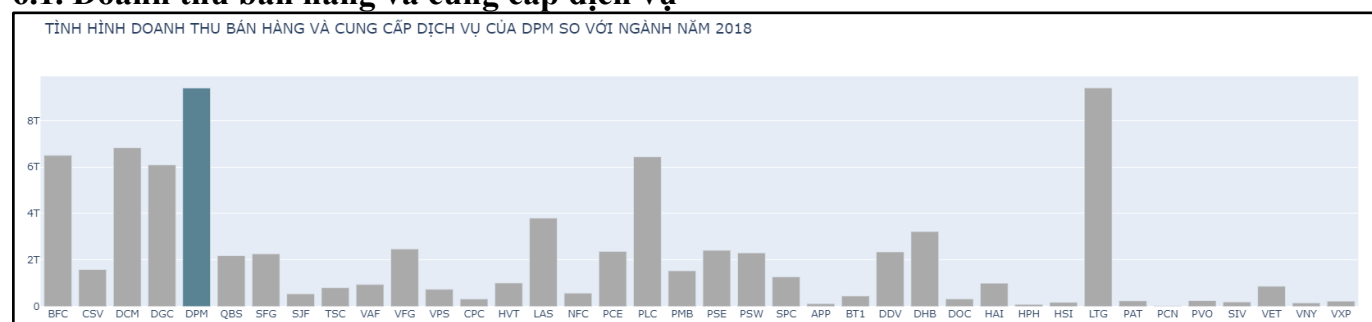
Chỉ số đòn bẩy tài chính của DPM đã giảm từ 0.15 năm 2018 xuống 0.05 năm 2022. Điều này cho thấy công ty đã giảm sự phụ thuộc vào nguồn vốn vay và tăng cường sức khỏe tài chính bằng cách sử dụng ít hơn các nguồn vốn nợ. Mức giảm đáng kể này cho thấy DPM đã cải thiện khả năng tự tài trợ và giảm rủi ro tài chính. Đây là một tín hiệu tích cực về tình hình tài chính.

Vòng quay tài sản của DPM đã tăng từ 0.84 năm 2018 lên 1.05 năm 2022. Đây là một sự cải thiện đáng kể trong khả năng sử dụng tài sản để tạo ra doanh thu. Mức tăng này cho thấy công ty đã cải thiện hiệu quả trong việc quản lý và tận dụng tài sản để tăng cường hoạt động kinh doanh. Sự tăng trưởng ấn tượng này cho thấy DPM đã tăng khả năng sinh lời từ tài sản hiện có và tăng cường khả năng tạo ra giá trị cho cổ đông.

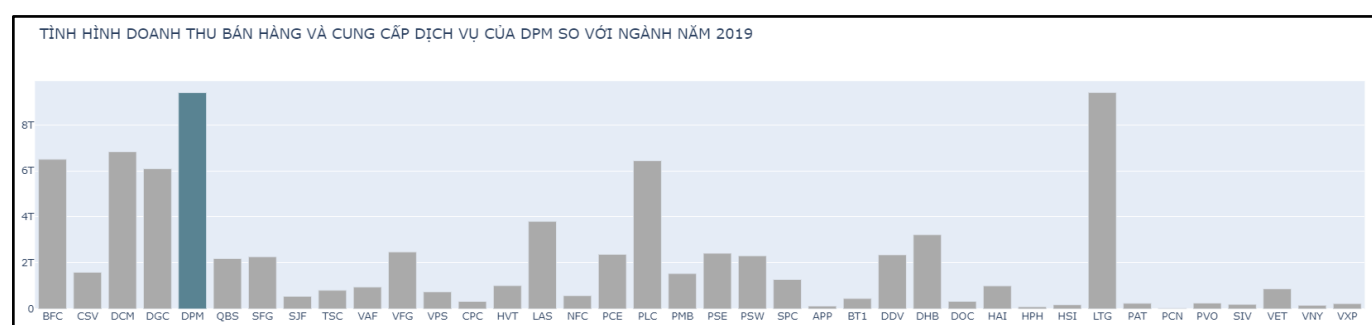
Tổng quan, tình hình tài chính của DPM đã có sự cải thiện đáng kể từ năm 2018 đến năm 2022, dựa trên các chỉ số đòn bẩy tài chính và vòng quay tài sản. Công ty đã giảm sự phụ thuộc vào nguồn vốn vay và tăng cường sức khỏe tài chính. Đồng thời, DPM đã cải thiện hiệu quả trong việc sử dụng tài sản và tăng cường khả năng tạo ra giá trị từ hoạt động kinh doanh. Những chỉ số này cho thấy tình hình tài chính của DPM đã tăng trưởng và tích cực hơn trong giai đoạn này, và công ty có tiềm năng tăng cường sức khỏe tài chính trong tương lai.

6. So sánh tình hình kinh doanh, sức khỏe tài chính của DPM với ngành từ 2018-2022

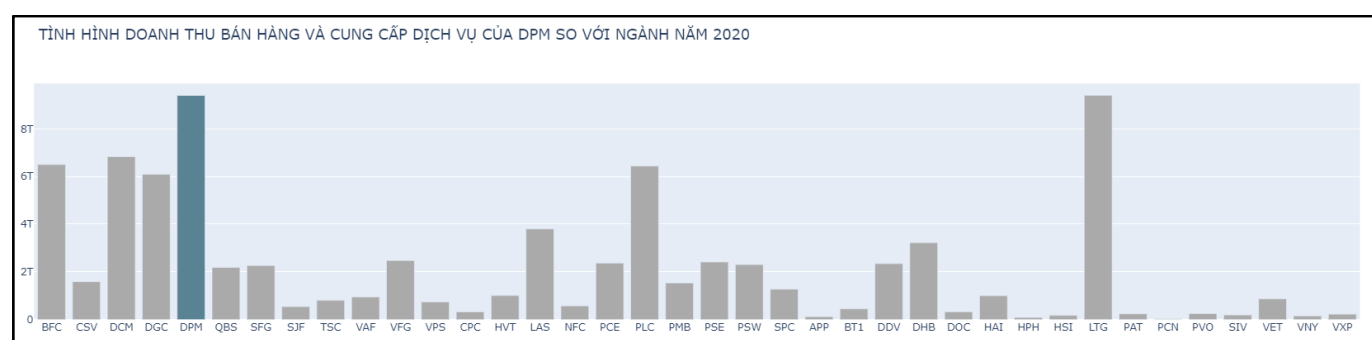
6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ



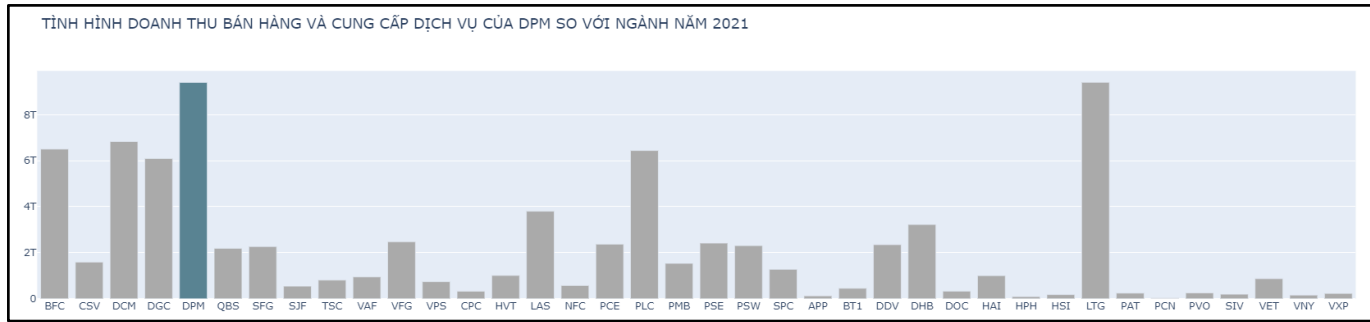
Hình 27. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của DPM so với ngành năm 2018



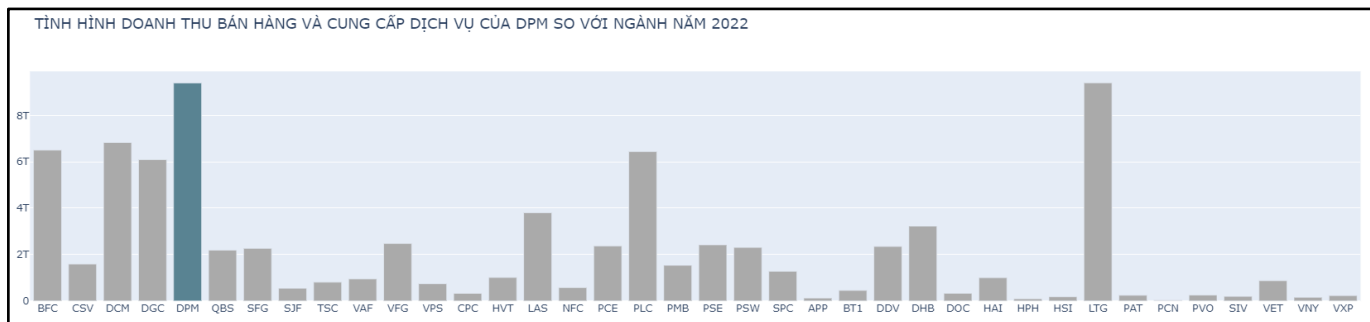
Hình 28. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của DPM so với ngành năm 2019



Hình 29. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của DPM so với ngành năm 2020



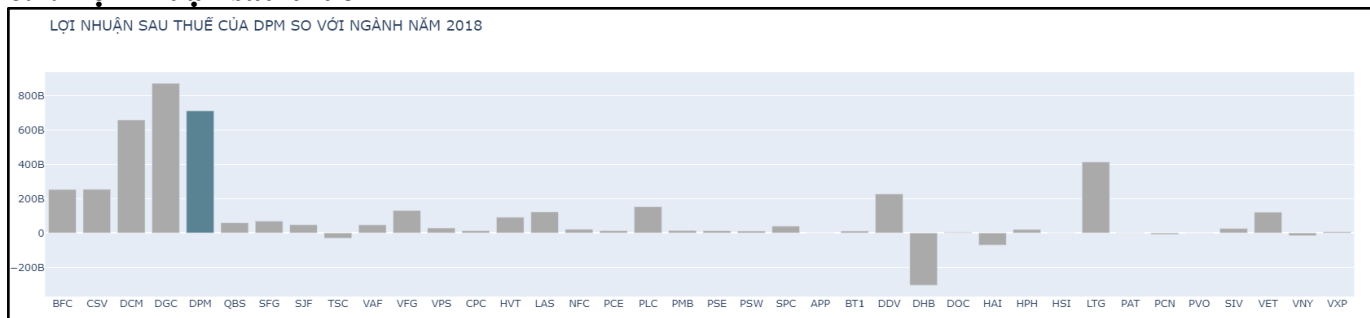
Hình 30. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của DPM so với ngành năm 2021



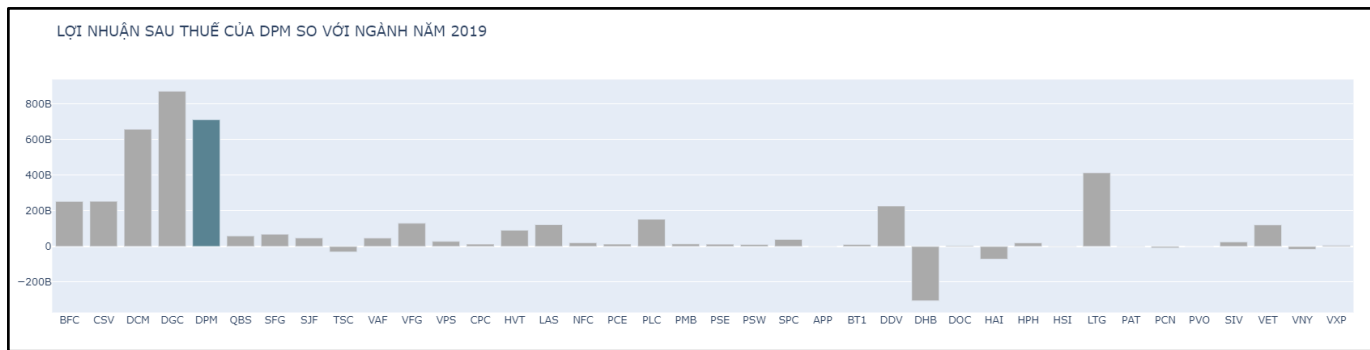
Hình 31. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của DPM so với ngành năm 2022

Ở trong lĩnh vực của mình, về hiệu quả hoạt động kinh doanh, DPM luôn gần như đứng đầu trong lĩnh vực của mình từ năm 2018 - 2022, chỉ có một doanh nghiệp là LTG có doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh là ngang với DPM. Điều này cho thấy DPM là một đối thủ rất mạnh trong lĩnh vực của mình, vì chiến lược hoạt động của doanh nghiệp là tập trung chính vào mảng này, họ còn được nhiều lợi thế từ chất xám, chiến lược tốt của Hội đồng quản trị, và là thành viên của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam.

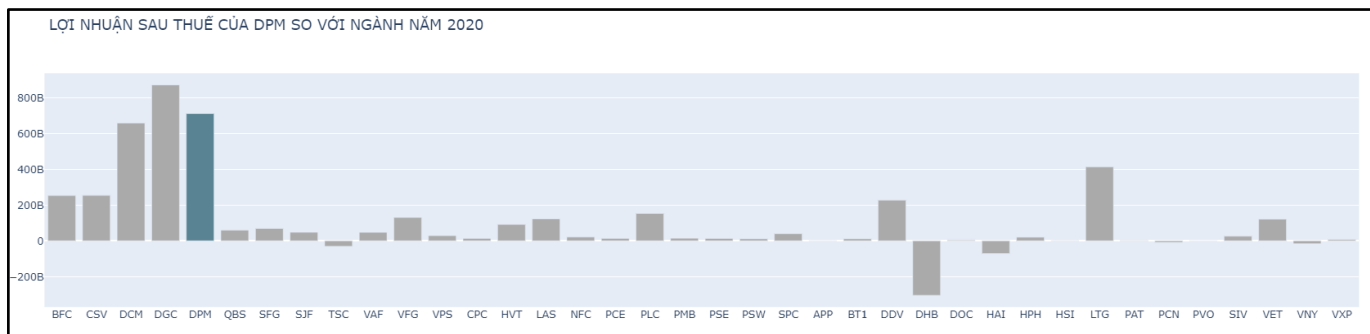
6.2. Lợi nhuận sau thuế



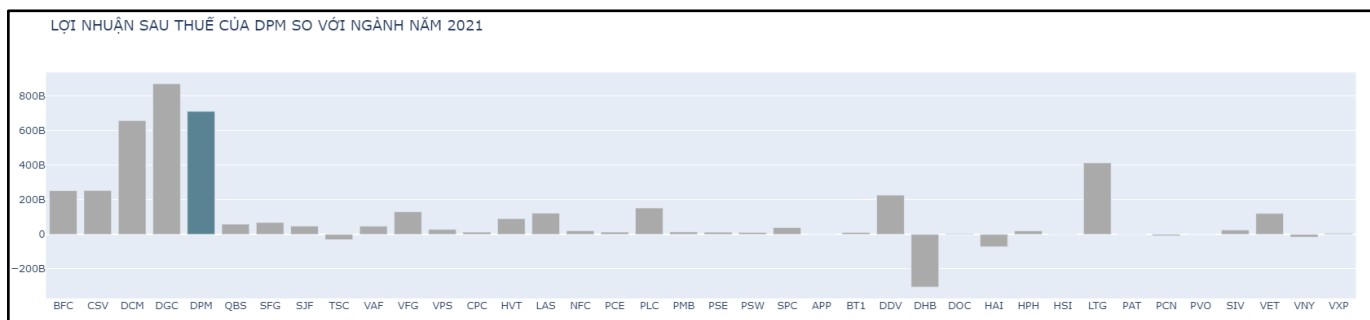
Hình 32. Lợi nhuận sau thuế của DPM so với ngành năm 2018



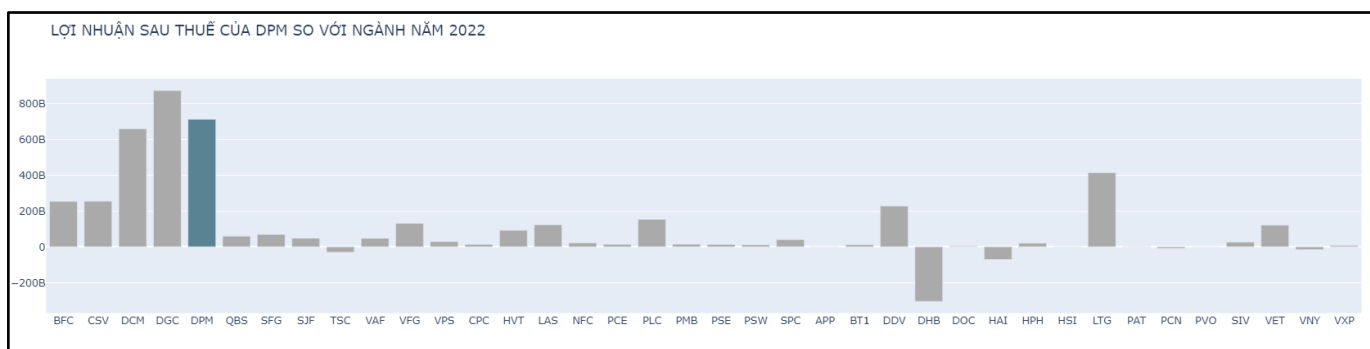
Hình 33. Lợi nhuận sau thuế của DPM so với ngành năm 2019



Hình 34. Lợi nhuận sau thuế của DPM so với ngành năm 2020



Hình 35. Lợi nhuận sau thuế của DPM so với ngành năm 2021

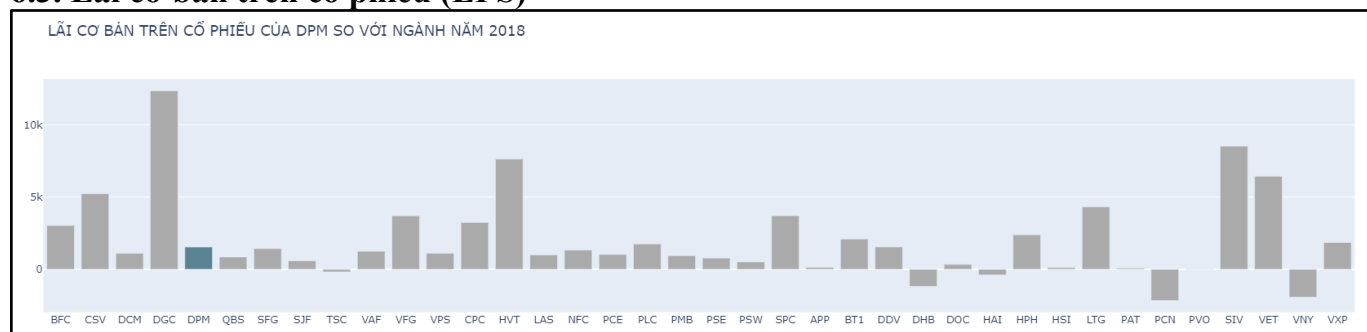


Hình 35. Lợi nhuận sau thuế của DPM so với ngành năm 2022

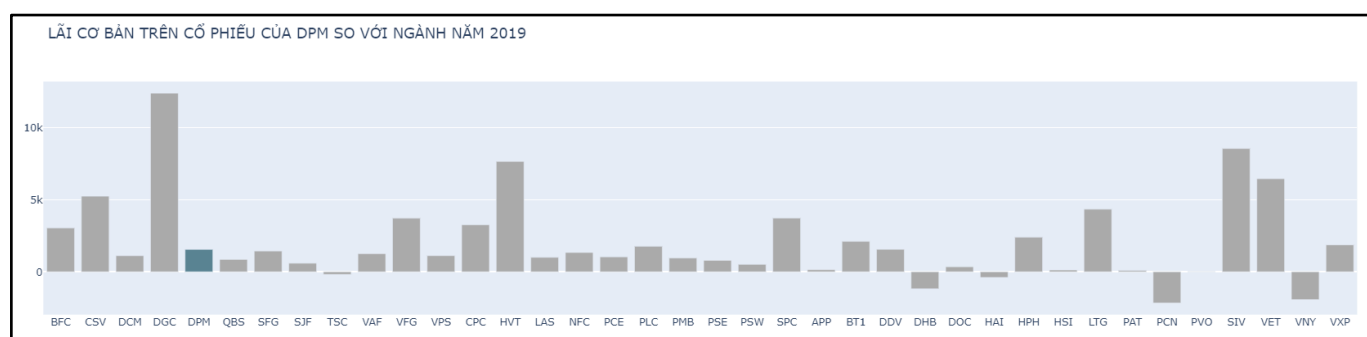
Tuy nhiên, như đã nêu ở trên, vì doanh nghiệp chỉ tập trung vào mảng hoạt động, kinh doanh chính của mình, nên những hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính khác của

doanh nghiệp gần như không mang về nhiều lợi nhuận như những doanh nghiệp khác trong ngành nên lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp đứng sau DGC và ngang với DCM. Đây cũng là điều mà DPM cần phải khắc phục nếu không muốn đánh mất vị thế của mình trong ngành.

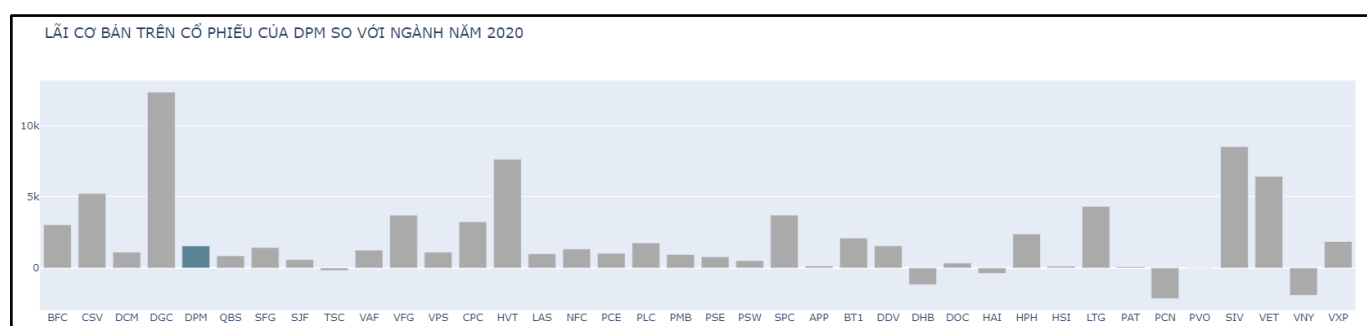
6.3. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)



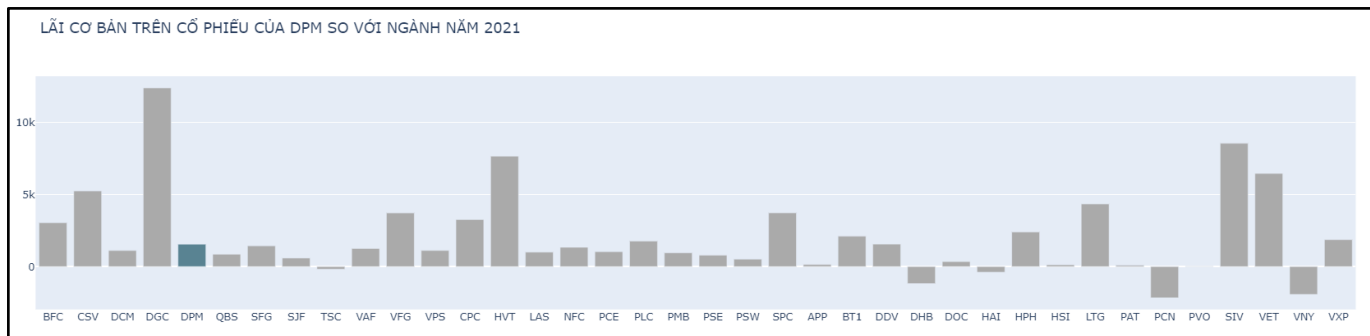
Hình 36. Lãi cơ bản trên cổ phiếu của DPM so với ngành năm 2018



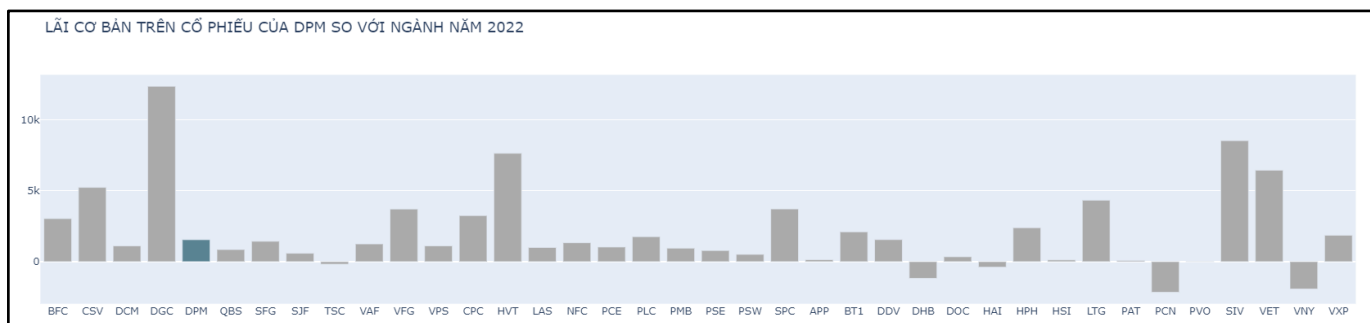
Hình 37. Lãi cơ bản trên cổ phiếu của DPM so với ngành năm 2019



Hình 38. Lãi cơ bản trên cổ phiếu của DPM so với ngành năm 2020



Hình 39. Lãi cơ bản trên cổ phiếu của DPM so với ngành năm 2021



Hình 40. Lãi cơ bản trên cổ phiếu của DPM so với ngành năm 2022

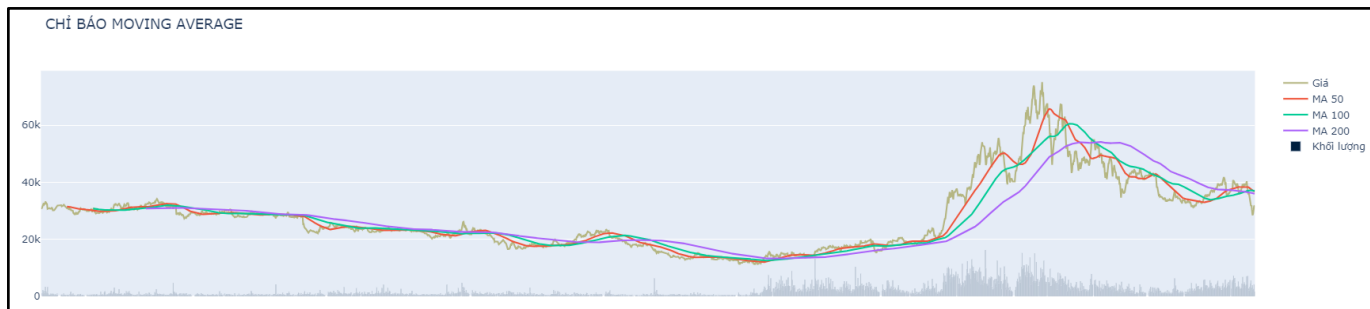
Về lãi cơ bản trên cổ phiếu của DPM thì khá thấp so với ngành, phần lớn vì số lượng cổ phiếu lưu hành ngoài thị trường của DPM khá nhiều hơn so với các doanh nghiệp còn lại nên dẫn đến chỉ số EPS không cao. Vậy nên, đây cũng chưa phải là điều đáng quan ngại cho các nhà đầu tư, vì cần kết hợp thêm các chỉ số tài chính khác để có cái nhìn khách quan nhất có thể.

II. Phân tích kỹ thuật



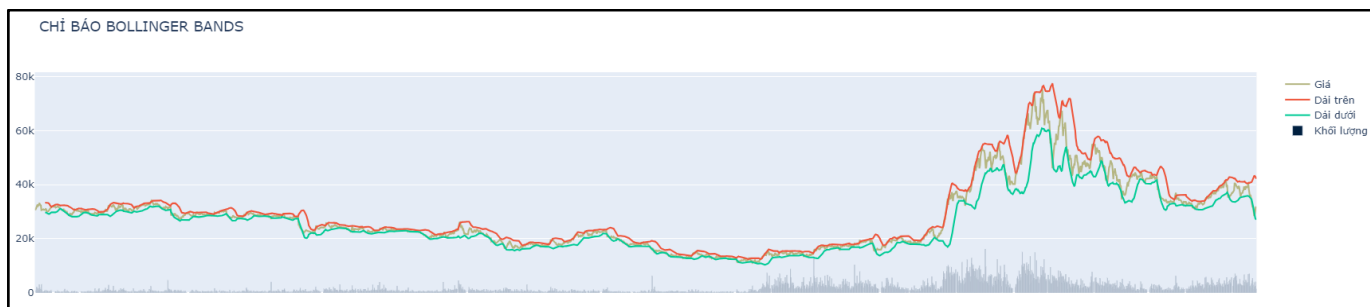
Hình 41. Biểu đồ giá và khối lượng của DPM từ năm 2015-2023

1. Chỉ báo Moving Average



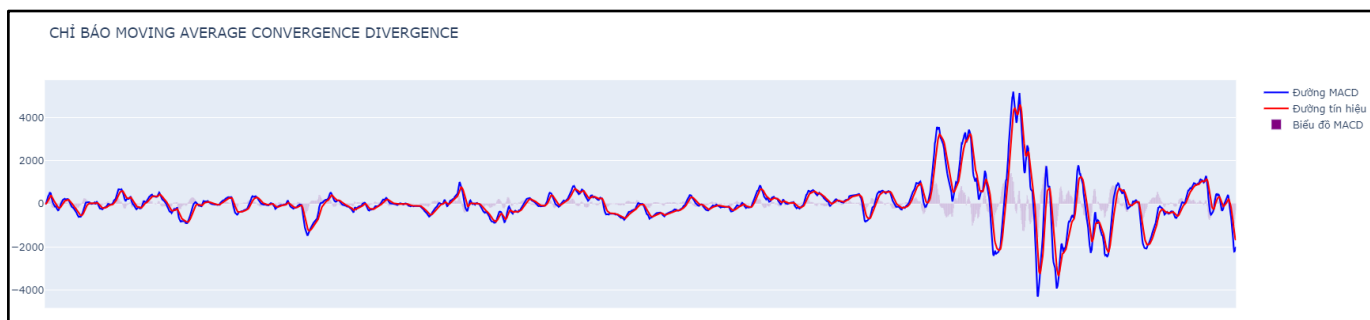
Hình 42. Chỉ báo Moving Average

2. Chỉ báo Bollinger Bands



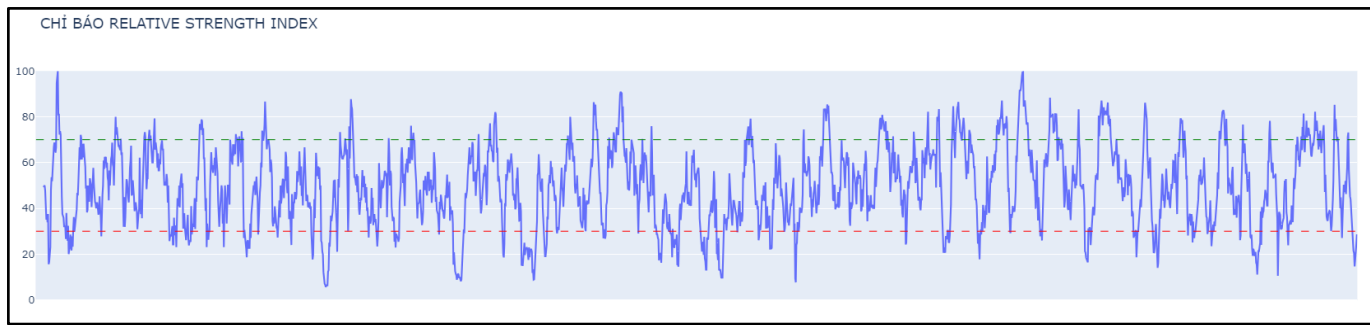
Hình 43. Chỉ báo Bollinger Bands

3. Chỉ báo Moving Average Convergence Divergence (MACD)



Hình 44. Chỉ báo MACD

4. Chỉ báo Relative Strength Index (RSI)



Hình 45. Chỉ báo RSI

III. Luận điểm đầu tư

Với các phân tích cơ bản và phân tích kỹ thuật ở trên thì tôi đưa ra quan điểm đầu tư là **NÊN** mua cổ phiếu DPM vì những yếu tố sau đây:

- Về sức khỏe doanh nghiệp, các chỉ số tài chính cũng như kết quả kinh doanh của DPM đang tương đối tốt trong ngành. Trong 9 tháng đầu năm 2023, DPM ước sản xuất được gần 591 nghìn tấn (-14,7% so với cùng kỳ), tuy nhiên sản lượng kinh doanh đạt 684 nghìn tấn (+7% so với cùng kỳ) nhờ đẩy mạnh mở rộng thị trường, và thúc đẩy xuất khẩu. Dòng sản phẩm NPK đứng vị trí thứ 2 trong cơ cấu sản phẩm với hơn 104 nghìn tấn NPK được sản xuất và kinh doanh. Tiếp theo là những chiến lược tốt và nhân sự giỏi trong Hội đồng Quản trị, và lợi thế là thành viên của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam
- Về tình hình vĩ mô. tháng 12/2023, Trung Quốc và Việt Nam đã ký kết nhiều văn bản nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế, kỳ vọng sản lượng tiêu thụ mangan nông nghiệp sẽ được thúc đẩy, qua đó kỳ vọng nhu cầu tiêu thụ phân bón được cải thiện. Đến 25/12, giá ure ở mức 328 USD/tấn (trading economic) quanh vùng giá thấp nhất trong 1 năm, kỳ vọng giá bán sẽ được hồi phục dần trong năm 2024 nhờ việc hạn chế xuất khẩu Ure của Nga, cũng như nhu cầu phân bón từ nông dân phục hồi trên thế giới. Còn nhu cầu tiêu thụ ure trong nước được dự báo cải thiện vào cuối quý 4 năm 2023 và quý 1/2024 do nhu cầu vụ Đông - Xuân trong nước tăng cao.